

Mục lục

CHƯƠNG I: PHỤC TRANG	3
CHIẾC ÁO DÀI VIỆT NAM	4
ĐÔI ĐIỀU VỀ CHIẾC VÁY.....	7
CÁI YẾM	10
TÓC BỎ ĐUÔI GÀ	14
NÓN	16
CHƯƠNG II: VUI CHƠI.....	20
HỘI CỜ NGƯỜI Ở CHÙA VUA HÀ NỘI	21
XUÂN XUA QUẢNG LẠC	24
THÚ CHƠI CÂY CẢNH	28
TRÒ CHƠI LỐI XÓM.....	31
CÁ VÀNG HÀ NỘI.....	33
CHƯƠNG III: NGHỆ THUẬT	36
NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC.....	37
MÚA CHÈO	41
HÁT GIAO DUYÊN	43
DIỄN XƯỞNG TRÒ MỤC LIÊN - THANH TRÌ.....	47
NÉT TUÔNG	51
TRANH SƠN MÀI.....	54

TRUYỆN VỀ BỨC TRANH “HÚNG DỪA”	57
MÂY BÔNG HOA NGHỆ THUẬT	59
VẼ MẶT TÀO THÁO	63
CA TRÙ DÒNG NHẠC DÂN CA HÀ NỘI.....	65
GIỌNG HÁT XẨM BÂNG KHUÂNG.....	69
CHUYỆN VỀ NHẠC HIẾU XUA	72
CHÀU Ỏ ĐÀO CUỐI NĂM.....	76
NGHỆ THUẬT HÁT Ỏ ĐÀO	79
SỐNG CHẾT VỚI NGHỀ DIỄN	84

CHƯƠNG I: PHỤC TRANG

CHIẾC ÁO DÀI VIỆT NAM

Có người bảo em từ kiểu áo người Tày, người Mường mà ra. Có người bảo ở em có vài chi tiết nơi áo của các chị em Huế, Chăm. Lại có người cho rằng em thành hình từ bộ áo mớ ba mớ bảy của đất Kinh Bắc huyền thoại... Những ý kiến đó đều có những tỷ lệ chính xác nhất định nào đó. Nhưng, đúng ra, em tiếp nhận hình ảnh và hơi hướng của nhiều miền trong cả nước gom góp lại, bổ sung cho nhau mà thành. Em đã có mặt ở Pháp và ở Anh từ những năm 1913. Hồi đó và sau đó ít năm, em vẫn còn đơn sơ và được cắt, may toàn bằng tay cả. Của hàng hoa mà.

Thoạt đầu là cái áo dài, cổ tròn, màu nâu. tam giang, mỡ gà, hồ thủy. Vạt áo thẳng, tay bó, xẻ một đoạn ở cổ tay, cài cúc bên sườn. Những năm 1936-1938, từ cơ sở sẵn có, chiếc áo dài đã được họa sĩ Cát Tường thiết kế và bố trí lại đã ra đời. Phải nói một chút về ông Cát Tường. ông đã áp ủ nhiều ý đồ cải cách y phục Việt Nam, nhất là chiếc áo dài. Ông say sưa với cả những bức thêu rồng. phượng, những bức tranh Hàng Trống. Nhưng ông thờ phụng chiếc áo dài. Ông là sinh viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, học hết 5 năm và đã tốt nghiệp. Ông cũng có một số tranh. Nhưng mọi người biết đến ông chủ yếu qua chiếc áo dài với công trình cải tiến của ông. ông là người đầu tiên dùng máy khâu để may chiếc áo dài. Động tác này rút ngắn được rất nhiều thời gian so với khâu tay. Dĩ nhiên còn một vài vị trí quan trọng, hoa mỹ để quyết định chất lượng chiếc áo phải dùng đến bàn tay khéo léo của người thợ. ông cải tiến cái cổ áo, đưa nó lên thành cổ đứng cao 2 centimét. Ông còn “lăng xê” kiểu cổ cứng, cổ bắt chéo và cổ cánh hoa. ông quy định vị trí những chiếc khuy bấm và đưa ra nhiều kiểu khuy, khuyết, bỏ đi tà áo phụ, ngắn đệm trong. Tà áo dài buông xuống cách mặt đất 20cm. ông chú ý làm cho độ dài của hai mặt trước sau có độ “đổ” chuẩn xác để cho khi mặc vào được căng, lượn sát, bó khít lấy những đường nét của cơ thể, tôn cao bộ ngực, làm cho eo thon thả, thắt đáy lưng ong...

Chính vì vậy, áo dài Cát Tường Lơ mua (Ie mư theo tiếng Pháp là Cát Tường) được nhiều người ưa chuộng. Trong số này, đa số là những nữ sinh, những chị em thính ăn mặc đẹp. Áo dài là thời trang tuyệt đối cho những nhân vật tiểu thuyết như cô Liên trong “Gánh hàng hoa”, cô Loan trong “Đoạn tuyệt cô Mai trong “Nửa chừng xuân và ít lâu sau cô “thiếu nữ bên hoa huệ” của Tô Ngọc Vân, cho cô gái trong bức “Hiện vẽ hoa “ của họa sĩ Nguyễn Tường Lân. Hồi đó, ông Cát Tường còn trẻ, ông gầy gầy tầm thước. Mùa hạ hay mặc bộ tuột so soa, đeo cà vạt.

Khuôn mặt thanh tao, tự lự, hơi xanh xao. Ông nhanh nhẹn, luôn lui tới những cửa hàng thêu ở phố Hàng Trống, Hàng Gai. Ở đây, ông kết thân với ông Thúc là một nghệ nhân thêu, có cửa hàng. Ông Thúc rất yêu quý chàng họa sĩ Tây học cao đẳng mà lại nặng tình với nghề nghiệp tổ tiên, để ý đến những cái của ngày xưa”. Ông kéo họa sĩ Cát Tường về quê phố Ninh Xá, Bắc Ninh, gả ngay cô cháu gái tên là Nội cho họa sĩ. Cô Nội là một tay thêu giỏi, là con gái ông chủ một cửa hàng thêu nổi tiếng. Sau đó, họa sĩ đưa vợ về phố Lò Đúc. Vài tháng sau, họ mở một cửa hàng may áo dài ở gần ngã năm Bà Triệu. Cửa hàng có biển đề : Coupe Cát Tường. Nó nổi tiếng khắp nơi. Khách đến nườm nượp. Em gái cô Nội chuyên mặc những chiếc áo do ông anh vẽ thiết kế và may. Vô tình, cô đã làm cái việc “lăng xê” mốt cho cửa hàng Cát Tường. Cô được mọi người gọi là Nga Cát Tường, cũng lừng lẫy một thời.

Từ sau 1945 và nhất là từ sau 1975, chiếc áo dài được lên ngôi. Nó chiếm vị trí độc tôn trong các dịp lễ hội, giao dịch quốc tế. Nó xuất hiện trên các diên đàn, các sân vận động trong và ngoài nước. Trong các buổi biểu diễn nghệ thuật, thời trang, thi hoa hậu. Chiếc áo dài đã như câu ca quan họ, bay đi khắp thế giới, ở đâu nó cũng có một vị trí xứng đáng. Nó được cải tiến thêm và mang sắc thái riêng từng miền trong những chi tiết nhỏ để đáp ứng được sở thích và yêu cầu thẩm mỹ của thời đại.

Nhắc lại, những năm 1930, 1936, 1937, trong các cuộc thi hoa hậu ở Hà Nội, Hà Đông và trong các chợ phiên (kermesse), eae cô gái đẹp như ái Liên, cô Điệp, cô Hoàn, cô Siu đều đăng quang với chiếc áo dài. Cô Slu là con gái nhà tiểu thuyết kiếm hiệp Lý ngọc Hưng.

Các nghệ sĩ nước ngoài như Kirienko, Francine Vande, Catherine.v.v... đều mặc áo dài. Dự hội nghị Parls, chị Nguyễn Thị Bình hùng biện với chiếc áo dài.

Nhà sử học Mỹ là J.S.Ten son, viết: “Xin phép cho tôi được mặc chiếc áo dài Việt Nam, chiếc áo dài của người mẹ Việt Nam. Những người mẹ đã sinh ra những anh hùng của nhiều thời đại đã mặc chiếc áo dài. Mẹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng mặc chiếc áo dài”.

Chiếc áo dài Việt Nam là một dòng sông, một cơn gió, một nếp mây bay. Nó tượng trưng cho sự màu mỡ, hồi sinh, tẩy trần và phồn thực.

Có khi trên thân áo được in hoặc thêu lên hình ảnh những rồng, phượng, hoa, lá... để thêm phần hấp dẫn. Nhưng, nó không có những mảng màu sắc sỡ. Những hình vẽ trên áo dài phải xinh, gọn để ăn ý với vẻ đẹp mà chúng gửi mình vào đó. Có người lại in lên chiếc áo quá nhiều hình ảnh, những vạch ngang dọc chi chít hoặc quá nhiều màu sắc, chiếm cả bề mặt chiếc áo dài. Như vậy không ăn nhịp, làm cho người mặc áo phải mang cả một bức tranh trên mình. Nói chung, việc pha hoặc chọn màu áo, in hoặc thêu hình trên áo là một công việc rất phức tạp. Phải có con mắt mỹ thuật, văn học nghệ thuật, lại phải có con mắt tâm linh...

Trong một cuộc trao đổi giữa các nghệ sĩ kịch nói Trung Quốc với Việt Nam, một nữ diễn viên kịch nói Trung Quốc nói với chị Diệp Bích: “áo dài” của chị đẹp hơn áo “Sường sám” Thượng Hải của em”. Chiếc áo dài là một nét đẹp văn hoá rất riêng của Việt Nam.

ĐÔI ĐIỀU VỀ CHIẾC VÁY

Nguồn gốc xa xưa và thân thiết nhất của chiếc váy là cái nơm úp cá. Ở các nước ả Rập, nó được gọi là Djoubba, có nghĩa là linh thiêng. Người Trung Quốc dùng chiết tự gọi là xuân chừ, gồm hai bộ phận ghép lại với nhau: chữ y “rách” ghép với chữ “quân”. Cũng là chữ tự, ghép với chữ quân. Có nghĩa là sự trang trí và sự sở hữu của “quân”. Từ quân chỉ các bậc nam nhi với ý nghĩa tôn vinh.

Thuở Đông Sơn, người Lạc Việt dùng váy lá cây hoặc lông vũ, xoe ra. Sau đó là váy mở ngắn, là một mảnh vải quấn vào thân. Rồi đến váy kín gồm hai mép dính lại với nhau thành hình nơm.

Váy đại diện cho nữ giới. Ngày 23-1-1911, trước cửa Viện Hàn lâm khoa học Pháp có cuộc tranh cãi lớn về việc kết nạp hay không kết nạp nữ giới vào Viện Hàn lâm và Manh Curie bị thua tạm thời. Người ta gọi cuộc tranh cãi lớn này là cuộc tranh cãi giữa cái váy và bộ râu.

Năm 1960, ở Anh bắt đầu có phong trào mặc váy ngắn. phản đối mạnh mẽ nhất loại váy này là các vị giáo sư Họ nói rằng các nữ sinh viên mặc váy ngắn làm cho họ không giảng bài được.

Xa xưa, người Trung Quốc đều mặc váy. Sau đó, những người Hồ (Mông Cổ) là dân du mục đã tràn sang Trung Quốc. Người Hồ mặc quần cho gọn ghẽ để cưỡi ngựa được tiện lợi. Cái quần, do đó, có mặt ở khắp Trung Quốc, một bộ phận ở Việt Nam và ở một số nước láng giềng.

Trước đây, và nhất là vào khoảng năm 1990, nhiều nhà mỹ học và tạo một phát biểu rằng họ đã học nhiều điều ở cái váy Việt Nam. Có nghĩa là một vài dáng dấp và đường nét của cái váy Việt Nam đã được truyền sang các nước âu Mỹ.

Một thời gian rất dài, người ta dùng tấm váy lưới trai bảy bức bằng lĩnh hay sồi dài chấm gót, cặp váy thường rộng bản, khoảng từ 5 đến 10

cai với các màu sắc xanh, vàng, hồng. Để tô điểm thêm cho cái váy là dải thắt lưng màu mỡ gà, hoa lý, hồng đào... thắt so le, buộc múi, rủ xuống vừa dịu dàng, vừa có màu sắc. Váy thường mặc những lúc không làm việc lam lũ, vì váy kéo dài xuống tận mắt cá chân. Khi phải lao động thật sự, người ta mặc chiếc váy ngắn đến trên đầu gối, thắt liệu vải thô kệch mà bền, gọi là cái “sống”. Mẹ Đốp trong trò Mẹ Đốp - lý trưởng (vở Quan âm Thị Kính) mặc cái “sống”, đi rao mỗ. Trong bức tranh “Hứng dừa” (Đông Hồ), cô gái hứng dừa mặc cái “sống ra vẻ vừa đi lao động về. Thị Mầu láng lơ mặc chiếc váy xộc xệch. Các thị nữ trong cung đình mặc váy rộng, có nhiều nếp với chất lượng vải lụa hạng sang và quý, nên không gọi là váy mà gọi là “xiêm” cho có phần cao sang, cung điện...

Người đàn bà giỏi giang, chèo chống, biết lo toan cho gia đình, được mọi người khen là: “vén váy phát cờ”. Khi cuộc sống khó khăn, người đàn bà có quyết tâm và ý chí mạnh mẽ nói: “Ta phải vén váy phát cờ mới được”. Người đàn ông vụng dại, chỉ ru rú trong nhà bị coi là “Đồ chỉ biết có cơm nhà, váy vợ”. Mà váy vợ cũng là nợ đời. Lại có câu: “Cô kia cắt cỏ ven sông, cái váy thì ngắn, cái lông thì dài,” Cô cắt cỏ mặc mi-ni juýp từ ngày xa xưa ấy rồi. Một việc làm điên dại, thiếu suy nghĩ được gọi là “vén váy giữa chợ”. Trước đây trong hội xuân, cảnh đánh đu từng bừng lên bởi những tấm váy bay lên bồng bềnh, chông chênh của các cô gái uốn lưng ong. Thử nghĩ, nếu không có cái đó thì còn gì là hương vị mùa xuân nữa. Người ta, nhất là tuổi thơ, ai cũng có cái hạnh phúc tuyệt đỉnh là được bám váy mẹ. Nhưng người đàn ông sợ vợ và vụng về cũng bị coi thường là anh chàng bám váy vợ.

Chiếc váy Việt Nam đóng khung, làm nổi bật cái vòng thứ ba kỳ diệu của thân thể người phụ nữ. Đó là vòng hông. Mà chính nó cũng làm cho vòng ngực và vòng eo được nổi đình nổi đám hơn. “Váy Đình Bảng bông trùng cửa võng”? câu thơ thật là thân tình. Ngày xưa, những cái váy đẹp nhất, thướt tha nhất là những chiếc váy của chị em ở vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là vùng Đình Bảng, Hà Bắc. Váy, cái váy cũng là một hình ảnh thiêng liêng trong tâm linh và trong con mắt của mọi người. Sau này, Tú Xương mới “hạ” được câu: “váy lĩnh cô

kia quét sạch hè”. Khuyến nhau đừng làm việc gì quá sức, người ta nói chua ngoa: “Đừng căng váy hứng dừa mà không váy”...

Người phụ nữ mặc váy, thắt dải rút rồi phủ ngoài bằng chiếc thắt lưng màu. Dải rút được tết, bền kiên cố. Mặc váy phải luôn có ý tứ. Nhiều khi phải khép nép, giữ gìn trong lúc đi đường gió to, lúc đi chợ, lúc ngồi tựa mạn thuyền v.v...

Ở nước ta, những năm 1954-1959 có cái kiểu váy dài quá đầu gối, may phồng và hơi khum phần dưới (váy chuông). Đến năm 1960, váy được may thẳng, xẻ chút ít ở giữa thân sau, xếp thành ly hoặc may bó. Năm 1968, váy mi ni ra đời, ngắn đến đầu gối. Năm 1980 xuất hiện váy dài đến chân, có cài khuya bấm. Thôi thì đủ kiểu: váy xếp, váy lông, váy nơm, váy kiểu Paris, váy kiểu Thượng Hải, váy kiểu Đông âu, váy ngắn, váy dài, váy kép... v.v. và v.v... Những năm 1990 đến 1993, váy lên ngôi. Váy phát triển theo xu hướng của nền kinh tế thời mở cửa. Ở đâu ta cũng thấy phụ nữ đua nhau mặc váy. Họ đua nhau nhún những bước chân trên đường phố, tiến vào công sở, cơ quan, vào từng gia đình và đổ bộ về những mảnh đất sau lũy tre xanh. Ở đâu ta cũng thấy phụ nữ mặc váy. Các chị em ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội mặc váy đẹp lắm. Họ rất giỏi và rất sành trong việc lựa chọn mẫu,

màu, kiểu dáng. Họ sửa chữa, gia công, cải tiến những bộ váy từ Tây, Tàu mang đến theo cách nhìn và gu thẩm mỹ của họ. Các hàng may mặc cũng dựa theo các ca-ta-lô của nhiều nước trên thế giới mà sản xuất ra những chiếc váy sao cho vừa lòng các chị em. Những chiếc váy thành phẩm phải ưa nhìn, rất âu mà vẫn có cái gam màu truyền thống, dân tộc. Nhà văn Pháp A. Fournier nói: “Các cô gái Hà Nội mặc váy đẹp lắm. Không chê vào đâu được. Nhìn mãi cũng không chán mắt”...

Chiếc váy vẫn tồn tại trong cuộc sống một cách oanh liệt. Nó luôn luôn được cải tiến và nâng cao.

CÁI YÊM

Chuyện cũ kể:

Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư...

Một trong ba cô làm cho sư say mê và chính cái yếm thắm đã góp phần tích cực làm cho sư ngây ngất. Có cô gái mong mỏi:

Ước gì sông hẹp tày gang

Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi

Cô gái đi chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp xứng xứng:

Nho thả đuôi gà cao

Em đeo dải yếm đào.

Trong Truyện Kiều, khi Hoạn Thư biết tông Thúc Sinh mê Kiều mà còn chối quanh, đã nói toạc ra “Dễ loà yếm thắm tròn kim” nghĩa là việc đã rõ ràng, sờ sờ ra đó như chiếc yếm thắm chứ không phải như cái tròn kim đâu mà lờ em được...

Ở làng quan họ, cô gái có mười điều đáng yêu thì điều thứ năm là? Năm thương dải yếm đeo bùa. Ở những bức chạm khắc thế kỷ 17, 18 nổi tiếng của đình Liên Hiệp và Kim Hoàng đều có những vũ nữ mang yếm lá sồi hoặc lá sen bông bênh trên những bộ ngực ngồn ngộn, nhấp nhô những đôi nhũ hoa bánh giầy, chũm cau, bình vôi, quả mướp... Ngày xưa, chuyện trai gái yêu nhau đến mức chàng trai cầm lấy cổ tay cô gái là đã xong một nửa của cao trào. Nhưng đến cái mức cầm đến dải yếm là đã “xong hẵn”. Thị Mầu còn mở mang trí tuệ cho anh Nô: “Gió xuân tóc dải yếm đào anh trông thấy oản, sao không vào tháp hương?”

Hồ Xuân Hương gợi ý về trình tự của tình yêu: Quân tử có yêu thì bóc yếm ...

Lại có câu:

Trời mưa lấy yếm mà che

Có anh đứng gác còn e nỗi gì?

Anh chàng nọ lại sàm sỡ với cô gái:

Yếm trắng anh ngỡ là cò

Anh quỳ gối xuống, anh thò hỏa mai

Ngày sau em đẻ con trai

Nó lớn nó giống ông cai bắn cò

Người ta đã nói rất nhiều về cái yếm. Nó là một bài thơ nồng cháy. Nó là chiếc bình phong sống và hờ hững ghe bộ ngực. Mà bộ ngực là tiến hành khúc của người đàn bà. Nó vừa là vật cản dùng, vừa là vật trang điểm không kém gì hoa tai, son phấn, nhẫn, xuyên... Không có nó thì cuộc đời kém phần hương sắc.

Ở nước ta, cái yếm xuất hiện từ xa xưa. Và cố nhiên nó cũng luôn luôn được cải tiến. Cái yếm được định hình từ đời Lý. Đến năm 1696, đàn bà lao động thường mặc yếm cổ xây. Với nữ giới quý tộc thì trước yếm có thêm một vài đường dây tết lại với nhau thành hình lưới quả trám. Từ năm 1802 trở đi, yếm là một miếng vải vuông đặt chéo lên ngực người mặc. Ở góc (trên) có khoét hình tròn là cổ yếm. Đó là yếm cổ xây. Nếu khoét hình chữ V thì gọi là yếm cổ xẻ. Nếu xẻ xuống sâu nữa gọi là yếm cánh nhọn. Đến năm 1920, người ta phân chia ra nhiều loại yếm: yếm của người lao động màu nâu non, nâu già, yếm cho các cô gái có nhiều màu khác nhau. Các cô gái ăn chơi khoét cổ yếm xuống thật sâu đến gần nơi bộ ngực chia ra đôi ngả, màu sặc sỡ. Trẻ thì dùng màu mát như màu hoa lý, hồ thủy, đào phai. Đứng tuổi thì dùng màu sẫm hơn. Ở góc nhọn cổ yếm có thêm ba đường chỉ hoặc vải nhỏ tách ra hai bên làm cho cổ yếm được bền hơn, nhưng cũng là để trang trí. Sau này lại có người thêu hoa vào chỗ này.

Hai đầu cổ yếm có hai dải nhỏ để buộc ra sau gáy, phát phơ. Hai dải nhỏ này được trang trí màu nổi bật ăn khớp với màu yếm. Có người

cầu kỳ còn khâu một túi nhỏ và dài đựng hương thơm, xả vào ngay trong dải yếm để lúc nào cũng có mùi thơm ngậy ngát. Dải yếm bỏ bùa là ở chỗ này đây. Có người lại quần vào dải yếm một miếng trầu dành cho người tình. Gọi là khẩu trầu dải yếm.

Hai dải góc hai bên cạnh sườn gọi là “dải cái” hoặc đai yếm vì nó được thắt lại để bọc lấy cả bộ phận ngực, rồi buộc ra sau lưng và thắt dải ngực lại. Việc thắt “dải cái” này cũng là một động tác hệ trọng. Để lao động thì thắt chặt vào là xong, gọi là gói ghém. Những lúc đi chơi hoặc không phải làm việc nặng thì thắt lỏng hoặc tháo khoán. Có khi lại để quá lỏng đến mức hững hờ. Các chị em Khâm Thiên hoặc ăn chơi thì vừa thắt hững hờ vừa thắt lệnh dải cổ yếm lẫn dải đai. Như vậy là cái yếm chỉ làm cái việc che bộ ngực một cách không nghiêm khắc lắm. Nhìn vào cái yếm thoáng thấy bộ ngực phập phồng những bến bờ. Đôi nhũ hoa khẽ tung tăng và chuyển động. Trong một phút chốc nào đó, tinh ý có thể qua cái yếm mà chớp được những thông tin vô cùng quan trọng về chỉ số hấp dẫn của người mang yếm. Đôi lúc cái yếm cũng tạo một vài trường đoạn hở hang mà không ai nữ trách. Cái yếm có mặt yếu là không đỡ được ngực, luôn có xu hướng xệ xuống và không nâng được chúng lên. Nhưng điều đó không cần vì người ta cứ để không tự nhiên như nó vẫn tồn tại kiểu như hoa quả trên cành vậy.

Những cô gái kỹ tính mua yếm ở chợ về, rồi gia công, sửa sang lại cho hợp với ý mình. Việc này đòi hỏi sự khéo tay và tỉ mỉ.

Sau khi mặc yếm, các cô gái mặc ra ngoài chiếc áo cánh trắng không cài cúc cổ làm tôn màu yếm hoa hiên hoặc đỏ thắm. Khi đi ra ngoài, mặc thêm chiếc áo dài. Bên dưới mặc váy lưới trai bằng lĩnh hay sồi đen dài chấm gót. Lưng có dải thắt màu mỡ gà, hồng đào hoặc hoa lý dịu dàng. Phía cạnh sườn đeo xà tích bạc có chùm ống vôi và con dao con bồ cau. Chân đi dép. Đầu vấn khăn nhiễu hoặc nhung với đường ngôi ở giữa hoặc bên cạnh. Trùm ngoài là chiếc khăn mỏ quạ có người để tóc bỏ đuôi gà hoặc vấn đầu trăn, có cài chiếc lược. Nếu đi xa hoặc đi xem hội, cô gái đội chiếc nón quai thao. Cái nón nặng về làm duyên... Tất cả những cái đó phối hợp với cái yếm làm nên dáng nét của người con gái mềm mại, duyên dáng, gần với thiên nhiên mà kín đáo, hiện hữu trong

cuộc đời và thoáng hiện trong những giấc mơ cùng với những con cò con vạc Việt Nam.

Cái yếm ăn ở với người phụ “nữ Việt Nam suốt cả chiều dài lịch sử. Nó đã tồn tại một cách đẹp đẽ và hùng biện. Nay nó bị cái áo nịt chiếm mất ưu thế ở nhiều nơi. Tuy vậy, nó vẫn còn tồn tại. Nó còn được nghiên cứu để hoá thân, biến dạng và hoàn thiện. Điều đó còn đang chờ sức sáng tạo của các nhà tạo mốt, các nhà y phục học, xã hội học, mỹ học v.v...

Nhiều khách và các nhà nghiên cứu nước ngoài rất ngưỡng mộ và học tập được nhiều điều ở cái yếm. Nó đã sang châu âu và hình thức thất dải hai bên sườn của nó đã được thay vào hai hàng khuy bấm kiểu Tây.

Cái yếm đã vượt biên giới Việt Nam đến với thế Giới.

TÓC BỎ ĐUÔI GÀ

Mái tóc tượng trưng cho sự sở hữu, là gia tài của cha mẹ để lại cho. Có những dân tộc thờ mái tóc.

Nhiều người giữ lại một mái tóc, chiếc răng sữa làm kỷ vật. Họ muốn làm sống lại tâm hồn của người mang nó. Tóc đại diện cho một vài đặc tính, khả năng, năng lực sinh thực như ở chuyện cổ tích Sam son. Ở Việt Nam, tóc cắt đi hoặc chải ra khỏi lược được giữ lại vì nó có sự gắn bó huyền bí với chủ của nó. Sự cắt tóc được coi như là một sự hy sinh, quy thuận hoặc hòa nhập.

Mái tóc được coi như là bản doanh của linh hồn, số phận ước mong và tình yêu. Tóc còn gắn với cỏ là tóc của đất bao la. Tóc là vũ khí của người phụ nữ. Chải tóc cho một người là một cử chỉ thân mật lắm, là mê say nhau lắm. Người Séc và Xlôvakia liệt tóc vào cùng họ hàng với lông và râu. Họ bảo: “Đâu có râu, đấy ngon”. Theo tạp chí Châu á, cô Sinh Chong Min đã chứng Minh mái tóc thiếu nữ dày và đẹp để mang lại vương miện sắc đẹp cho cô tại cuộc thi hoa hậu Nam Triều Tiên hồi tháng 5 năm 1990. Kỷ lục về tóc dài trên thế giới hiện nay là 2 mét 95. Những ngôn từ của Việt Nam về mái tóc rất phong phú, đã nói lên nhiều điều: Tóc mây, tóc suối, cái răng cái tóc là góc con người, làn suối tóc, tóc em dài đến thân thoai, mắt quàng tóc rối tơ vương, tóc thề, tóc xõa ngang vai, tóc chị Hoài (của Nguyễn Tuân), lời tóc tơ, tóc em vừa kín trán, tóc rẽ tre, mây núi buồn nghiêng núi tóc xanh, cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày, tóc đuôi sam, tóc đuôi gà, ngạt ngào hương tóc phấn, cỏ tóc tiên, tóc rối đôi kẹo, tóc để trái đào, cắt tóc đánh ghen, cắt tóc đi tu, gọt gáy bôi vôi...

Từ trước đến nay, đã xuất hiện nhiều kiểu tóc khác nhau như: Tóc búi tó, rẽ đường ngôi giữa, rẽ đường ngôi cạnh, tóc bỏ đuôi gà (tha thướt duyên dáng, đó là một trong 10 tiêu chuẩn đáng yêu của cô gái Việt

Nam), vắn khăn, tóc vắn trần có đính cái lược (đẹp tự nhiên có vẻ phong tình, thịnh hành khoảng những năm 1930-1940). Những nhân vật nữ của Tự Lực Văn Đoàn như Lan, Loan, Liên, Nhung... đều rất quyến rũ về kiểu vắn đầu trần. Cô hàng xén răng đen của Hoàng Cầm cũng vắn đầu trần. Mái tóc uốn quăn hoặc lượn theo kiểu phương Tây (kiểu Détdêmôna, kiểu Marillin Monroe), mái tóc Hỉ Nhi (một hàng tóc buông đều xuống trán theo nhân vật nữ trong phim Bạch mao nữ). Lại còn có những mái tóc giả bông bênh, đợi chờ, ngập ngừng, nông nân v.v... .

Mỗi một thời kỳ thịnh hành một hoặc vài kiểu tóc riêng rất đặc trưng. Có kiểu tồn tại lâu dài, có kiểu xuất hiện trong thời gian ngắn ngủi rồi bị lãng quên. Ai cũng muốn có mái tóc đẹp, một kiểu tóc nào đó phù hợp cho mình, tôn được vẻ đẹp của mình lên. Sự trang điểm đặc biệt sẽ làm cho khuôn mặt thêm duyên, trang nhã, sang trọng. Nó còn che giấu được những nhược điểm trên khuôn mặt của người phụ nữ. Ngược lại, nếu không có kiểu tóc phù hợp sẽ làm giảm vẻ đẹp của khuôn mặt.

“Cái răng cái tóc là góc con người Đúng vậy. Chuyện về cái tóc cũng như chuyện về tình yêu, nó vừa là hiện thực cũng vừa là huyền thoại.

NÓN

Ngày Xưa, Chàng trách nàng rằng:

Xưa kia gắn bó một hai

Giờ đây ghé nón ngang hai chẳng chào!

Bộ trang phục tương đối đầy đủ của cô gái Kinh Bắc được tả như sau:

Đội nón ba tâm

Quai thao một nhúm, áo trăm một đôi

Cái thắt lưng em, bảy tám vuông sồi...

Cái nón để che mưa che nắng, để phục trang, đỡ ngượng, che giấu tình cảm, thêm duyên, làm đẹp... Lại có câu:

Chòng chành như nón không quai,

Như thuyền không lái, như ai không chồng

Hoặc như câu đối lại:

Nón không quai nón nghiêng nón ngã,

Làm cả chàng phải ngã phải nghiêng.

Ngày nóng nực quá, cô gái khát nước xin ruột gầu nước giếng mát đổ ngay vào chiếc nón, uống cho đỡ khát rồi rửa mặt, rửa tay. Hai anh chị đi bên nhau, đến một quãng nào đó muốn nghỉ ngơi, họ không cần chiếu, không cần gì cả mà trải nón ra, ngồi ngay lên nón: “Đã yêu nhau ta trải nón ra ngồi”. Thỉnh thoảng cô gái soi chiếc gương trong nón, cười một mình, tin vào mình, nghĩ bụng: nhan sắc nhường này, ta chẳng sợ có lúc cái nón dùng để phe phẩy cho mát. Lúc đó, cái nón thay cho cái quạt. Cái nón trong tay người sử dụng sinh ra nhiều động tác và ý nghĩ:

Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngôi thương mình bấy nhiêu...

Khổ , “Giã bạn” trong cảnh quan họ, các liền anh, liền chị hát rất buồn: “Khăn, nón i... ôi... để lại đây”?.. Là lúc các cô gái tặng cho các bạn trai cái nón quai thao thân thiết của mình. Cái nón là tấm lòng của cô gái, là vật nặng tình: “Yêu nhau, cởi nón cho nhau”.

Chàng trai Bắc Ninh không muốn cho cô bạn gái của mình phải ra chợ mua nón. Anh ta tự chế tre đan lấy nón. Cho nàng đội để đi xem hội đêm rằm. Anh ta muốn cái nón đó phải mang hơi thở và nỗi lòng của mình.

Trong tiểu thuyết Tắt đèn, chị Dậu vào nhà Nghị Quế, che nghiêng cái nón rách. Đó là một kiểu chào. Ngày xưa, Lý trưởng hoặc Chánh tổng đội cái nón dứa có chỏm. Nó tượng trưng cho uy quyền và cao sang.

Cô gái muốn từ giã ra về, chàng trai liền giữ lại:

Mình về ta chẳng cho về

Ta giữ cái nón, ta đề câu thơ.

Cô gái đội nón quai thao được coi là “quai thao dịu dàng”. Bác xắm chìa cái nón nhàu nhĩnh ra để nhận tiền thưởng của người nghe sau khi đã hát bài “Anh khóa” bằng khuâng.

Cái nón dùng để thề bồi:

Tình em trao nón nặng thề,

Anh về bầm mẹ liệu bề sang xin.

Cô gái có lời đề nghị với bạn trai:

Chàng ơi bỏ nón em ra

Để em đi chợ kéo mà chợ trưa...

Việt Nam là quê hương của ba loại nón: nón ba tầm, nón quai thao, nón bài thơ. Và cũng có nhiều loại nón khác nữa như: nón lá gồi, nón lá cọ, nón sơn, nón Nghệ, nón lòng chảo, nón thúng, nón giang, nón mệnh phụ, nón xắm, nón quả búa, nón tiến vua, nón dứa, nón dẫu, nón thờ, nón lông, nón đi biển, nón tu cờ (nhà sư) nón chóp v.v... Phổ biến

hơn cả là nón lá cọ, nón bài thơ, nón Huế, nón làng Chuông, nón Hữu Bằng, nón Vân Đình... Cái nón Huế trắng đến lóa mắt. Nón bài thơ còn được gọi là nón “người tình”. Cô gái đã dậy thì gọi là cô gái sắp đến tuổi cấp nón theo chồng...

Chiếc nón quai thao thật đặc biệt. Nón có đường kính chừng 70cm. Thành nón cao trên 7cm. Mặt dưới có gắn một ống hình tròn bằng nan tre để đội vào đầu cho cân gọi là chũm nón. Quanh chũm nón là những vòng tre chuốt nhỏ, khâu bằng chỉ màu, đan chéo sợi rất công phu. Nón còn được trang trí bằng những bông hoa, cánh bướm. Quai nón làm bằng dây thao đen gồm từ một đến ba dây chập lại, buông vông dài xuống...

Nguyên liệu của nón lá gồm: lá gồi, nan tre và chỉ khâu bằng sợi móc. Người ta làm khuôn tròn bằng nan tre rồi lợp lên hai lớp gồi mỏng chuốt phèn. Từ đáy nón lên đến chỏm có 15 vòng nan tre và chỉ khâu bằng sợi móc.

Người ta làm khuôn tròn bằng nan tre rồi lợp lên hai lớp gồi mỏng chuốt phèn. Từ đáy nón lên đến chỏm có 15 vòng nan tre, tức là có 15 đường khâu vòng tròn.

Các bạn nước ngoài đến Việt Nam thường phải mua bằng được một vài chiếc nón để làm kỷ niệm. Các diễn viên, nghệ sĩ ngôi sao nước ngoài đến Việt Nam luôn tranh thủ cơ hội đội cái nón Việt Nam rồi chụp ảnh, đánh dấu sự có mặt của mình ở quê hương của nón.

Suốt cả chiều dài lịch sử dân tộc, qua mấy cuộc trường kỳ, cái nón là hình ảnh, biểu trưng của người phụ nữ Việt Nam. Chúng ta không thể nào quên được hình ảnh những chiếc nón mê, nón tảo trong cuộc sống lam lũ một thời, cũng như những chiếc nón của nông dân cướp kho thóc Nhật, đi dân công phục vụ các chiến dịch lịch sử. Những chiếc nón giản dị mà kiên cường! Lại còn những chiếc nón nhấp nhô trong các phiên chợ làng. Một mái tóc, một vành nón... là cả một ấn tượng sâu sắc, đậm đà, là nhớ, là mong. Cái nón là hình ảnh và âm hưởng của quê hương.

Thiết tưởng trong các bảo tàng văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, chúng ta nên có hẳn một phòng trưng bày giữ lại hình ảnh của những chiếc

nón Việt Nam tần tảo, nhẩn nại, bi hùng và trữ tình... Chúng góp một nét đậm đà khó quên trong nền văn hóa truyền thống...

CHƯƠNG II: VUI CHƠI

HỘI CỜ NGƯỜI Ở CHÙA VUA HÀ NỘI

- Hội mở trong 4 ngày
- “Phi chùa Vua bắt thành danh thủ”
- Trận tài tử giữa hai đấu thủ kiệt xuất
- Tuyển chọn quân cờ người là một cuộc thi hoa hậu.

Hàng năm, cứ vào những ngày 6, 7, 8, 9 tháng giêng âm lịch, chùa Vua ở làng Thịnh Yên (chợ Giời) mở hội. Chùa Vua là một quần thể di tích có tiếng, vừa là nơi của Phật, của Đạo giáo và của Nho giáo. Chùa Vua được xây dựng từ đời Lê, là một bộ phận của cung Thừa Lương. Đó là nơi để Vua và các đại thần nghỉ ngơi vài ngày trong năm, chuẩn bị ra tế trời đất ở đàn Nam Giao (nay là địa điểm nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo) Chùa dành riêng một gian thờ thần cờ Đế Thích. Người ta khen nhau “Cờ cao như Đế Thích” Hội chùa Vua, ngoài phần lễ ngắn gọn, chủ yếu là những trận đấu cờ người truyền thống suốt mấy ngày đêm. Từ xưa đến nay, hầu như tất cả những cuộc thi đấu cờ tướng lớn đều diễn ra ở chùa Vua. Các đấu thủ qua được “Nhị thắng”! là quán quân, được ghi tên vào bia đá. Từ những năm 1930-1940, bia đá chùa Đế Thích ghi tên những danh thủ: Du, Yên, Lịch, Lục (vô địch Bắc Kỳ), Chu Văn Bội, Đỗ Tâm (vô địch Nam Định), Lại (vô địch Hải Phòng), hỏ tướng Nguyễn Thành Hội, Nguyễn Văn Hải v.v... Các đấu thủ siêu hạng ở các tỉnh mà chưa được tĩ thí ở chùa Vua là một điều ân hận: “Phi chùa Vua bắt thành danh thủ”. Trẻ, già, trai, gái làng Thịnh Yên đều giỏi cờ. Nếu họ không là đấu thủ thì cũng là những người bình luận, cổ vũ, động viên nhiệt tình. Chùa Vua cũng là nơi đi lại tấp nập của các “sời” cờ trong toàn quốc.

Hội Chùa Vua năm 1995 có 64 đấu thủ chuyên nghiệp, nghiệp dư và tài tử của các câu lạc bộ cờ: Chùa Vua, Quân đội, Đồng Đa, Hà Bắc, Hà Tây, Quảng Ninh, Nông nghiệp... tham gia. Thành tích nổi bật đã thuộc về lớp trẻ. Họ dồi dào sức khỏe (điều này quan trọng lắm), kiên trì,

hăng hái, nặng về tấn công, có tư duy khoa học, giàu trí tưởng tượng, trình độ văn hóa cao... Vòng đấu loại diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8 để còn lại 4 đấu thủ tranh ngôi ba, tư và nhất, nhì... Trong vòng đấu loại, nhiều người “máu” cờ, tiếc cho mấy danh thủ không hề kém ai, nhưng chỉ vì một chút sơ hở mà không vào được vòng trong. Thi đấu là như vậy? Có những ván kéo dài mấy tiếng đồng hồ, đấu thủ đi vệ sinh cũng phải có người đi theo, phòng đấu thủ vô danh chơi cờ bên ngoài.

Trọng tài còn phải cảnh giác với những ám hiệu mách nước cho các đấu thủ như: Giơ tay trái là thoái, giơ tay phải là tiến, để tay ngang bụng là cầm cự. Những động tác của các ngón tay, việc mời đấu thủ điều thuốc lá châm lửa sẵn hoặc chưa châm, động tác vuốt mũi, những lời bình luận v.v... đều có thể là những ám hiệu.

Ngày mùng 8 có một trận đấu cờ giữa hai đấu thủ loại kiệt xuất nhưng không dự giải. Hai đấu thủ phải xông pha trên sân cờ gần suốt buổi để đi những nước cờ hào hoa. Trận này gọi là trận tài tử, có nhiều nước đi tài hoa, bay bướm làm cho người xem luôn xuýt xoa, khen ngợi.

Sáng ngày mùng 9, đoàn quân cờ của xã Đồng Cổ, làng Dương Xá (Nhôn) đến chiếm lĩnh sân cờ. Đoàn gồm 16 quân nữ mặc quần áo xanh, mười sáu quân nam mặc quần áo đỏ, hai tổng cờ nam và nữ. Họ ăn mặc giống như các hình ảnh trong cỗ bài tam cúc. Hai tổng cờ ra lệnh cho hai đấu thủ đại diện ra lễ vua cờ trước khi cho trận đấu bắt đầu. Hai đấu thủ làm lễ kiểu con nhà võ với mấy động tác nhanh, gọn, kèm theo mấy động tác võ thuật hoa mỹ truyền lại từ ngày xưa. Sau đó, tướng sĩ hai bên xanh và đỏ đi kiểm tra lực lượng, quan sát biên giới bằng những bước đi cách điệu có chất vũ đạo rồi về vị trí. Hai tổng cờ phát cờ, ra lệnh bắt đầu trận đấu. Chỉ huy bên xanh là danh thủ Nguyễn Tấn Cường, 27 tuổi, thuộc sỏi cờ Quân đội Anh đã xông pha “trận mạc” từ những năm còn ở tuổi thiếu niên, lại là con nhà nòi. Chỉ huy bên đỏ là Bùi Dương Trân, 31 tuổi, thuộc sỏi cờ Nông nghiệp. Anh nổi tiếng về những “trận đánh” chuyển bại thành thắng. Trận đấu này là trận tranh ngôi nhất nhì với giải thưởng khá lớn. Bên ngoài, trống liên hồi, mỗi vị chỉ huy đều bị một tiểu đồng đi sát cạnh, đánh lên những tiếng trống con giục giã. Họ đấu rất thận trọng. Lúc thăm dò, lúc cầm cự, lúc tiến

nhử mồi... Họ phải ở tư thế đứng và đi lại để điều binh khiển tướng suốt 5 giờ liền. Cuối cùng, trận đấu hòa, phải đấu ván thứ hai, kéo dài thêm hơn 3 tiếng đồng hồ nữa Nguyễn Tấn Cường mới hạ được Bùi Dương Trân. Nước cờ đầy những yếu tố bất ngờ. Mọi người vỗ tay rào rào, hò reo âm ỹ rồi ngừng lại xem lễ thu quân. Lúc này, đoàn quân cờ làng Dương Xá trình diễn điệu múa thu quân, chạy cờ, quán cờ, bái tổ... Họ đứng thành hai hàng.

Đúng là một bộ tam cúc sống. Một bên đen, một bên đỏ, trang nghiêm mà thân thuộc. Nhớ lại ngày xưa, các cụ còn chu đáo hơn. Đội quân cờ gồm toàn những trai chưa vợ, gái chưa chồng mặt hoa da phấn. Họ đều là những người có thanh sắc được lựa chọn. Thế là tự nhiên hình thành một cuộc thi hoa hậu nhỏ trong hội cờ xuân.

Hội cờ chùa Vua khép lại qua ván cờ quyết liệt. Người ta lại chờ đón những ngày này năm sau.

XUÂN XƯA QUẢNG LẠC

Dạo ấy, cuối những năm 30, Hà Nội chỉ còn hai rạp tuồng và cải lương nổi tiếng. Đó là rạp Hiệp Thành tọa lạc ở cuối phố Tạ Hiện và rạp Quảng Lạc, nay ở vào nhà số 50 Đào Duy Từ. Rạp Quảng Lạc phần nào có tiếng hơn. Muốn chiêm biếm một ai đó làm ra vẻ “ta đây”, hoặc nói năng hách dịch, khoe khoang, người ta nói với anh rằng: “Gớm, cứ làm như ông tướng Quảng Lạc ấy”.

Rạp này thường diễn một đêm tuồng và hai đêm cải lương. Có hôm lại gọi là tuồng cải lương. Lúc này cải lương hơi lên giá một chút. Đàng sau sân khấu (rạp hát) là cả một cái buồng dài và rộng, hơi tối. Nơi đây được coi như nhà tập thể của những nam, nữ diễn viên không có nơi cư trú ở ngoài phố. Mỗi người hoặc mỗi cặp vợ chồng chiếm lấy một khoảng nhỏ. Cửa cải chẳng có gì mấy, sang lắm là chiếc bàn, vài chiếc va li gỗ hoặc bằng da cũ. Cũng có vài cái tủ gỗ con. Cứ trái cái chiếu ra là “Vua” và “ái khanh” có thể nằm xuống nghỉ được rồi. Về mặt xã hội, nếu “Vua” và “ái khanh” không có thực tài làm cho khách mến mộ thì cũng dễ ra khỏi nhà hát mà đi bán phở hoặc bán nước ở đầu phố. Xen kẽ có vài khoảng cho các diễn viên độc thân.

Phía trên nhùng nhằng những sợi dây để mắc màn và treo quần áo. Chăn, gối cứ việc xếp lên phía đầu chiếu. Người đầu giang sơn đó. Giản đơn thôi, “sống gửi thác về”... Ban ngày thì thế mà tối đến họ đều là quan to, như là thư sinh, công chúa... cả đấy. Chỉ cần có tiếng hát với cuộc đời là được. Có vài người nghỉ ngay tại rạp bằng cách ghép mấy chiếc ghế lại, coi như giường ăn uống thì gập đầu ăn đấy. Chẳng ra bữa gì cả cũng có khi nấu nướng tí chút hoặc góp gạo thổi cơm chung. Việc gì cũng hình như hứng lên thì làm.

Tuy vậy, ngày Tết lại khác hẳn. Nhà nào nhà nấy xào xào nấu nấu, chuẩn bị một vài món ăn kéo dài được vài ngày như thịt bò om gừng

hoặc thịt đông. Họ góp nhau lại gói bánh chưng. Vài gia đình đặt bát hương ở đầu chiếu cúng cha mẹ, ông bà. Nhà nào có con nhỏ thì dán tờ tranh tết có con lợn, “âm dương” hoặc “Hứng dừa”. Có anh hay chữ, viết đôi câu đối chữ Hán lên đầu giường:

Nhân tình tự chỉ, chương chương bạc

Thế sự như kỳ, cục cục tân...

Các đào kép độc thân và ở dạng Đồng ấu được các gia đình anh chị mời ăn Tết cùng trong vài ngày. Các đàn em cũng sắm Tết mừng anh chị, vài thức góp vào.

Ngày 28 Tết là ngày ăn uống tung bừng, vì từ ngày này trở đi cho đến ngày 7 tháng giêng là những ngày vào Xuân. Những ngày 29, 30, mồng một, mồng hai Tết đều diễn tuồng sớm để mọi người còn chơi Xuân, chơi phố, thăm bạn bè. Họ chơi chẵn, tổ tôm. Nữ chơi tam cúc, chơi bài, lật bài, đi đêm, tốt đỏ đề tốt đen v.v... Những buổi chơi này đều có mứt và rượu. Cả nữ cũng uống rượu... Trong những ngày này xuất diễn rút ngắn chỉ còn chừng 1 giờ đồng hồ để đón những khách đến bói tuồng, loại khách này nhiều và thật “sộp”. Họ mua vé, vào một lát rồi ra ngay. Đến người khác cũng thế. Như vậy là bán được rất nhiều vé. Mỗi chỗ có thể bán được mấy lần vé. Để thưởng các đào kép yêu mến, nhiều người tung tiền lên sân khấu rào rào. Nhiều diễn viên được khán giả “phong bao”. Tùy theo tình hình, có thể diễn thêm buổi.

Trước cửa rạp, dán một đôi câu đối giấy đỏ chữ đen thật nổi:

Đào Đào Kép Kép, ra ra, đào đào, vừa diễn, vừa hát, say sưa vỡ.

Nam nam, nữ nữ, nhìn nhìn, nghe nghe, chẳng cười chẳng nói, nghĩ suy đời.

... Chiều 30 Tết, ai muốn làm gì thì làm. Nhưng diễn từ 7 giờ đến 8 giờ tối. Đó là buổi diễn tiễn năm cũ đón năm mới. Đến 10 giờ đêm thì tắt cả đào kép, nhân viên trong rạp tập trung lại. Bàn thờ tổ đã được trang trí và bày biện chu đáo. Có đôi câu đối mừng tổ:

Bức tranh vân cầu treo rồi cuốn

Thế sự tang thương phá lại bày...

Có đĩa ngũ quả, bánh chưng, mứt, hương, hoa, nến. Ông chủ Nguyễn Văn Long đến thắp hương, chúc tết tất cả mọi người. Mọi người chúc lại, ông chủ mở hàng đồng loạt, mỗi người hai hào. Ai cũng như ai. Sau đó, ông đi ô tô về Bưởi. Mọi việc giao cho ông Nhã trông nom. Ông Nhã bung rượu và mứt ra để mọi người cùng thưởng thức. Mỗi diễn viên hát lên một bài hoặc đoạn ngắn mà mình tâm đắc nhất để nhớ đến tổ và mừng xuân. Những lúc này là lúc họ hát được hay hoặc cố tình lệch lạc đi một chút theo ngẫu hứng. Họ rất nể nhau về tay nghề. Ví dụ như kếp Ba Thân “ba mươi hai đồng” mà hát đoạn Tô Vũ mục dương thì mọi người phải nín thở. Cô Mão “hai mươi tám đồng” hát cái chũ:

Yến Phi Long tiến chông ra trận thì đến đào kếp nhà nghề cũng phải “chết lịm” chứ chẳng nói gì đến khán giả. Gọi quen là kếp Ba Thân “ba mươi hai đồng”, là vì anh là kếp nhất, được lĩnh 32 đồng một tháng. Lúc này giá một tạ gạo có một đồng bạc. Anh Sỹ Tiến, ông Mẫn được 28 đồng. Anh Đào Mộng Long là cây nhị phụ, được 6 đồng. Vang bóng một thời những kếp như Ba Thân, Tư Liên, Tư An, Tam Huỳnh Kỳ, Bản Vân,... những đào như Kim Chi, Thúy Mão, Khánh Hợi... là những tài năng được công chúng mến mộ. Có mặt họ, bao giờ cũng đông khách hơn. Họ được bốn chữ: diện, bộ, thanh, phần, tức là được về bộ mặt, dáng điệu, tiếng hát và thần thái. Đi xem Quảng Lạc mà có một trong “ngũ nam quái” (5 kếp giỏi) hoặc “tam nữ kiệt” (ba đào kiệt xuất) thì mọi người mới yên tâm. Nhất là vào dịp Tết hoặc đầu xuân. Ban nhạc ngồi xung quanh đệm cho các khúc hát đón xuân sôi nổi, phóng túng. Thảng hoặc có một, hai đào kếp nào đó nhớ quê, khóc lên rưng rức. Mọi người đâu về đấy, đợi tiếng pháo giao thừa.

Trong mấy ngày Tết, ông Nhã trông nom săn sóc tất cả mọi người. Trách nhiệm của ông chỉ tóm gọn trong một câu: Làm sao cho buổi diễn có khách. Tuy vậy ông phải làm thế nào cho thấy tuồng và các đào kếp làm việc ăn khớp với nhau. Phải biết khai thác mặt mạnh của từng người. Phải gần mọi người. Trong những ngày Tết, ông giảng hoà những mâu thuẫn, hiềm khích. Bản thân ông cũng xin mọi người bỏ qua nếu ông có những điều gì không phải với anh em trong năm cũ. Ông phải lo

khoản trợ cấp hoặc cho vay tiền một số anh em quá nghèo vì trót đánh bạc, hút xách hoặc ăn chơi lãng phí. Để làm quản lý như ông Nhã, trước hết phải tốt bụng, quý mến mọi người. Phải giữ ý cẩn thận. Chẳng hạn như từ mua bán các thứ như rượu, mực hoa quả, thuốc lá v.v... ông đều nhờ các đào đi mua rồi về tính toán chứ không bao giờ để vợ con ông đi mua. Ngày thường, trong rạp có thể xảy ra xích mích, cãi cọ gì đó là việc thường. Nhưng trong mấy ngày Tết, ít nhất là đến ngày mồng bảy, những điều đó không xảy ra hoặc nếu có xảy ra thì cũng được can ngăn và dàn xếp vui vẻ ngay. Đúng giờ tý, ông quản lý đã treo sẵn một tràng pháo đặt trước cổng rạp. Người châm lửa đốt là một kép được mọi người yêu mến và kính nể về tài năng.

Tiếng pháo giao thừa của rạp Quảng Lạc vừa dứt, các diễn viên, từng đôi từng đôi đi xuất hành, hái lộc.

THÚ CHƠI CÂY CẢNH

Trồng cây cảnh là một nghề đặc biệt của Việt Nam nói chung và Hà Nội, Nam Hà, Thái bình v.v... nói riêng. Đây là một nghề tài tử, có từ đời Lý, Trần được cha truyền con nối với những “miếng” kỹ thuật bí truyền. Những làng trồng cây cảnh lâu đời và nổi tiếng là Quảng Bá, Nghi Tàm, Hữu Tiệp, Ngọc Hà, Vĩ Khê, Tân Mai, Tương Mai, Hoàng Mai, Vĩnh Tuy... Các gia đình trồng cây cảnh thường phối hợp với nghề trồng hoa và nuôi chim, cá cảnh... ở những nơi đó tràn ngập mùi hương của hoa và nuôi chim, hoa ngâu, hoa hồng... Xung quanh vườn cây cảnh là những hàng rào dưới, ô rô, dâm bụt... được xén tỉa công phu, gọi là những “bờ hoa”.

Để có cây cảnh, người làm vườn, ngoài việc vun tưới, xới, chăm bón, còn phải nắn nót, cắt, tỉa cây rất tỉ mỉ, cầu kỳ. Muốn có một cây tùng nhỏ, một con rồng bay, phải mất 5, 6 năm. Những hòn non bộ có rêu si bám vào cũng cần có một lớp rêu phong cổ kính phía dưới. Để tạo được một lớp rêu đẹp “ngày tháng” như ý muốn cũng Phải mất 3, 4 năm.

Người ta chia cây cảnh thành ba nhóm: Nhóm trồng ươm chuẩn bị cho công việc ghép, nén, uốn. Nhóm cây cảnh phối hợp với non bộ. Cuối cùng là nhóm cây thể có dáng đứng, điệu vươn, hình hài... toát lên một chủ đề một ý niệm tư tưởng, một nỗi niềm. Một chậu cây thể có thể ghép với một hoặc hai loại cây khác nhau để có những cảnh, lá khác nhau hòa vào một tổng thể, nhằm thể hiện một tâm trạng.

Những loại cây như sanh, si, đại, vọng cách, tùng, bách, phi lao, thông, đuôi, cơm nguội v.v. đều có thể chiết và lấy xuống trồng ở vườn hoặc chậu. Chúng đều có thể “vào thể”. Cây thể phải thật già mới có giá. Càng “cổ thụ” càng quý. Người ta chọn những cây non có dáng đứng thẳng, gọn, khỏe hoặc có dáng xiêu vẹo, dáng ngang, dáng trườn qua mép chậu, rủ xuống rồi lại vươn lên v.v... để tạo nên nhiều thể cây khác

nhau như thế “ngũ phúc”, thế “phượng bay”, thế “huỳnh đệ”, “rồng sa”, “rồng vươn”, “sóng đôi”, thế “đội gió” thế “người ơi” thế “nhà hiền triết”, thế “tiên ông”, thế “chờ đợi”, “mẹ con”, “bồ tát tụng kinh”. v.v...

Để nhóm cây có thế “mẫu tử” phải trồng ghép hai cây lại với nhau cùng một gốc. Hai cây sát nhau. Có cao, có thấp, có lớn có bé bám vào nhau. Cây to có dáng mạnh hơn nhưng mềm mại. Cây nhỏ nũng nịu, quán quít ngả vào cây lớn. Cành cây đan vào nhau có hình tượng khăng khít, nâng niu, âu yếm.

Để tạo được hình tượng trên cho nghệ thuật, phải sử dụng cây, thân cây, cành, lá, rễ, ngọn, râu v.v... làm vật liệu giống như nhà điêu khắc sử dụng đất sét, gạch, thạch cao... để nặn tượng vậy.

Người làm vườn có được những cây cảnh tạo thế, những hòn non bộ kỳ vĩ để gửi gắm tâm hồn, tình cảm, ý niệm thẩm mỹ, đã là một nghệ nhân. Họ phải chọn lựa, sưu tầm những loài cây, loài hoa quý hiếm rồi trồng xuống đất hoặc trong chậu cảnh và quanh năm suốt tháng chăm chút, xén, tỉa, uốn hình, tạo thế để cây có hình con hổ, con voi, phượng, hạc... Họ còn sử dụng các khối đá bọt, đá xanh có dáng dấp tự nhiên, đem về đẽo đục, gia công thành các hình khối đa dạng làm thành hòn non bộ để ghép cây vào. Vườn cây thế như núi, rừng thu nhỏ lại, có cây, có lá, có hang động, chùa chiền, cầu cống, rồi có cả bàn cờ tiên, tiều phu gánh củi v.v... Hơn thế nữa, các nghệ nhân còn tạo các thế cây theo tứ của một vài bài thơ hay, gợi lên mơ hồ một cô gái tài sắc, một quán vắng bên đường... làm nên vương vấn, băng khuâng... Nào cảnh người đẹp hoặc thi nhân, khi thấp thoáng bên bóng trúc, rặng tre, trên bến đò có dòng sông tưởng tượng xanh rờn mà lau lách.

Cây cảnh Việt Nam là một mảng tâm hồn nghệ thuật Việt Nam. Chúng sánh ngang với nghệ thuật của vẽ tranh Đông Hồ, với dân ca quan họ Bắc Ninh, với gốm Bát Tràng. Những làng có cây cảnh là những công viên độc đáo, luôn có nhiều khách trong và ngoài nước đến chiêm ngưỡng, hành hương. Cứ vào dịp cuối năm gần Tết âm lịch, khách nước ngoài nườm nượp kéo đến các làng cây cảnh. Họ hết lời ca ngợi, ký hợp

đồng... Cây cảnh Việt Nam đã từng đoạt nhiều giải, huy chương cao quý trong nước và trong các hội chợ Quốc tế.

TRÒ CHƠI LỐI XÓM

Đêm nay trăng sáng. Mấy nhóm trẻ trong các xóm họp lại với nhau. Chúng đến từ xóm Lũy dập dềnh những búi hoa dâm bụi, từ xóm Ao có rặng cúc tần hoặc từ xóm Chẽ. Chúng hát âm lên: “ánh trăng trắng ngà”... Chúng chia nhau ra từng nhóm nhỏ, chơi đủ trò, nào ô ăn quan, oẳn tù tì, bịt mắt bắt dê, đáo đăm ú tim, nhảy ngựa, trồng hoa trồng nụ, đánh chuyền, rắn xin thuôn v.v... Có những trò chơi dành riêng cho các em trai hoặc riêng cho các em gái. Cũng có những trò mà cả trai lẫn gái cùng chơi chung chúng chơi một lát ở trò này rồi tham gia ngay trò khác để chơi được nhiều trò. Chúng vui cái vui của trẻ lên 10, mắt sáng, môi tươi. Chúng chỉ có một niềm vui bất tận. Hãy chú ý xem chúng chơi trò ú tim. Kẻ đi trốn và kẻ đi bắt đều ngớ ngẩn như nhau. Tuy vậy, hai nhân vật này gặp toàn những điều bất ngờ, ngộ nghĩnh làm cho mọi người cười mờ cả mắt.

Trò “trồng hoa trồng nụ” khá đặc sắc. Một đôi em trai hoặc em gái ngồi duỗi hai chân. Bàn chân em này chồng lên bàn chân em kia để cho hai, ba em khác nhảy qua. Sau đó, lại chồng lên mấy bàn tay nở xòe hoa lên. Cứ mỗi lần chiều cao được nâng lên là hai em phải nhảy qua thanh thoát cái ngọn núi do những bàn tay chồng lên nhau, làm thành ngọn núi hoa, quả. Nếu nhảy không cao, chạm vào chân, tay, hoa quả chất cao là thua, phải ngồi xuống, trồng hoa, trồng nụ cho người khác nhảy qua. Trò chơi này luyện sự nhanh nhẹn nhưng lại là chuyện của cuộc đời.

Trò chơi “đánh chuyền” chủ yếu dành cho các bé gái. Nhưng có khi các bé trai cũng tham gia. Bốn, năm em bé cùng biểu diễn một cỗ chuyền gồm 10 que nhỏ dài chừng 20 centimét. Người chơi phải tung hứng hòn cái (hòn sỏi hoặc quả bóng), phải xếp sắp và chọn từng que chuyền và đỡ hòn cái từ trên cao rơi xuống. Trong lúc phối hợp mọi động tác chơi, miệng còn phải hát lên. Suốt cả quá trình không bị một sai phạm nào là

thắng. Bài hát trong lúc đánh chuyền gồm những câu hát thật hay ngẫu hứng, nhiều hình ảnh và nhịp điệu. Nhưng chúng mang nhiều điều huyền bí và triết học:

“Giã giò, cò bay...

Sang sông, giồng cây cải

Vãi hạt vừng...

Xin cô nàng...

Mười cái lẻ ...”

Người chơi chuyền cứ lấy đi lấy lại những câu hát có từ xa xưa đó với cái vẻ say sưa và buồn buồn tựa như những lời hát ru. Người xưa nhắc lại rằng nội dung bài hát nói về cuộc sống của một người đàn bà từ lúc còn bé cho đến lúc về chiều. Cả tuổi thơ của cô bé chỉ còn nhớ có một lần vui lắm, là lúc gia đình chuẩn bị ăn Tết nguyên đán, mọi người quây quần xem giã giò. Ngay sau đó là lúc thân cò phải bay sang sông đi lấy chồng xa, phải tay trắng cấy lúa, trồng vườn, nghênh chiến với muôn vàn những khó khăn chẵn và khó khăn lẻ sẽ xảy ra... Đó là những lời gửi gắm muốn gửi lại cho thế hệ sau mà không tiện nói thẳng ra... Sự thực, bài hát nói về cuộc sống hòa với thiên nhiên, lao động ý nghĩa về văn hoá của nó rất lớn, làm rung động lòng người mãi mãi...

Trò “rắn đi xin thuốc” gồm một bé làm ông lang già và vài em Dầm chặt lấy đuôi áo nhau để hình thành thân hình một con rắn dài. Một em làm đầu rắn. Một em là đuôi rắn. Các em khác làm thân rắn... Thầy lang xin khúc đầu và khúc giữa, rắn không cho. Đến khi xin khúc đuôi thì rắn thách ông thầy đuổi: “Thầy cứ đuổi xem, đuổi được thì cho”... Đuổi sao nổi, vì rắn là vật trường sinh, lúc nào cũng có sức trẻ và nhanh nhẹn. Còn thầy lang thì già rồi...

Cứ như thế... những trò chơi lối xóm tiếp diễn đời này sang đời khác. Lớp trẻ này qua đi, lớp trẻ mới lại kế tiếp... Chúng chơi, chúng hát, say mê với những nụ cười muôn thủa, với trăng, với gió, với những âm thanh thân yêu của xóm làng...

CÁ VÀNG HÀ NỘI

Chơi Cá Vàng là thú chơi truyền thống có từ lâu đời ở ta. Ngày xưa, ở các nơi như phòng khách, nhà, vườn của các gia đình quyền quý, những tao nhân mặc khách, các nghệ nhân và ngay cả những lớp người bình dân đều có đôi chỗ cho bể nuôi cá vàng. Có những cái bể còn có cả hòn non bộ rải rác và gập ghềnh những chiếc cầu nhỏ, tán cây, ngôi đình, chùa cổ kính, những ông lão vọng, người đón củi, con hổ, con nai... bằng đất nung vẽ màu. Những con cá vàng với hình dáng khác nhau đến kỳ lạ bơi lội tung tăng. Mỗi con đẹp một vẻ, chúng bơi xuyên qua các đám rong xanh như bơi vào trong mây, rồi lại bơi đi bơi lại qua chiếc cầu độc mộc. Chúng tung ra những tà áo đỏ thắm, đỏ nhạt, đỏ vàng rực, vàng thau... để làm nên một bình minh rực sáng hoặc một buổi chiều tà đỏ ối óng ánh những tia ánh sáng bạc. Chúng bơi sát vào nhau như vợ chồng, đùa rỡn, nâng tà áo cho nhau, âu yếm nhau, vuốt ve nhau thật tình tứ. Có con ra vẻ kiêu hãnh, có con làm dáng e lệ, cũng có con lại rạo rực tuổi thanh xuân...

Cũng có lúc như phong ba nổi dậy, những chú cá đực chọi nhau trước mặt các cô nàng. Nhưng rồi, cũng chính các cô nàng ấy kéo các chú ra khỏi cuộc đấu. Chúng lại đi dạo với nhau vui vẻ và cuồng nhiệt. Thì ra, không phải là chiến tranh mà chỉ là đùa rỡn, tập võ với nhau vui vẻ và cuồng nhiệt mà thôi. Chúng tung tăng bên nhau trong bản nhạc êm đềm. Cũng có nơi nuôi cá vàng trong chiếc ang cổ, có mấy chữ “Dương liễu xanh”, hoặc ang thủy tinh. Nói chung, những đàn cá vàng đã tạo nên một thế giới thần thoại dưới thủy cung, tạo nên những bức họa di động, những bài thơ cho mọi người, ít nhất cũng là trong những giờ phút thư giãn, nghỉ ngơi, những giây phút suy tư, trầm ngâm. Ở bể cá vàng, ta thấy sóng nước, xa khơi, thấy những kỷ niệm, nhớ nhung.

Ở nước ta, đâu đâu cũng có nuôi cá vàng. Riêng ở Hà Nội, tập trung nhất vào mấy làng Hữu Tiệp, Ngọc Hà, Quảng Bá, Nghi Tàm, Hoàng Mai, Yên Phụ... Nhất là Yên Phụ, cả làng đều chơi, mua và bán cá vàng. Có thể gọi là quê hương của cá vàng, vì nghề này có từ lâu đời. Trước đây, những ngày giáp Tết trung thu và Tết nguyên đán, mọi nhà ngoài phố đều bày những bể và ang cá vàng ra ngoài cửa để bán. Những năm chiến tranh, thú chơi cá vàng không được chú ý đến. Ngày nay, nó lại được khôi phục và phát triển rộng rãi. Các chợ lớn trong thành phố đều có bán cá vàng. Cá vàng đã trở thành một mặt hàng xuất và nhập để thu được những món tiền lớn. Tháng 8-1994, một con cá Thanh Long lớn có tất cả các gam màu của nhiều loại cá vàng tập trung lại bằng giá gần một cây vàng 9999. Một con cá Hồng Long sớm chiều thay màu sắc như đóa phù dung nước cũng đến xấp xỉ 3 chỉ vàng.

Cá vàng bao giờ cũng được nâng niu. Có điều, các giống cá, loại cá được đổi mới qua nhiều biến dạng, di truyền, lai giống, kỹ thuật nuôi v. v... Giá trị nhan sắc và sự ưa chuộng cá vàng cũng thay đổi từng thời kỳ với thời trang, quan niệm thẩm mỹ. Những năm 1954-1955, dân chúng ưa chuộng các loại: Ngũ Hoa Chân Châu, Vọng Thiên, Đan Phượng, Kiếm, Chọi, Mã, Giáp, Thần Tiên, Mưa Chiều, Hắc Hồng, Ngọc ân... Những năm 70, du nhập từ Hồng Kông, Đài Loan, các loại Khổng Tước, Giáng Mây, Ngân Long, Hải Thanh, Trà Hoa Nữ... Những năm 1989, Malaixia, Braxin nhập vào ta các loại Thanh Long, Hồng Long. Những cao thủ chơi hoặc nuôi cá vàng, những người có những bể cá siêu hạng cũng được mọi người tôn trọng và được đánh giá cao chẳng kém gì những văn nghệ sĩ nổi tiếng. Đã từ lâu, người dân Hà Nội và cả nước vẫn còn nhớ bể cá vàng, hòn non bộ nhà cô Ba Tý phố Hàng Bạc, nhà cụ Tổng Trinh phố Hàng Chiếu, nhà ông Tiềm (Quảng Bá), ông Hai (Yên Phụ) hoặc bể cá vàng trong thửa vườn xanh biếc và yên tĩnh nhà ông Cả Bản, ở Bưởi, đã dựng lại cả một bầu không khí trong liêu trai chí dị. Chúng cũng đã gợi ý cho những vần thơ của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng.

Thú chơi cá vàng thanh nhã để có được sự nghỉ ngơi tích cực, có được những giờ phút lơ lửng thoáng qua, chứa đựng nhiều điều kỳ diệu bất chợt đến, gọi là những giây phút “lơ lửng con cá vàng”. Ở nơi có núi

non bộ và bể cá vàng, cảnh vật đầy thơ, ca, nhạc, hoạ. Và lại bây giờ việc nuôi cá vàng đã là một hạng mục kinh doanh của thương nghiệp. Các trẻ em rất thích chơi cá vàng. Bể cá đưa lại cho các em những bài học vỡ lòng về thẩm mỹ. Nó đưa các em vào thế giới thần thoại và hiểu rằng trên đời còn có nhiều điều thú vị, mỗi con cá như một bông hoa nở dưới nước. Các con cá bơi mới giỏi và nhẹ nhàng làm sao. Có con như mặc áo giáp đội mũ trụ, xông xáo như một chàng dũng sĩ. Nó chiến đấu với kẻ địch. Có con khóc sưng cả hai mắt. Nó khóc thương người bạn bị tử trận. Có con lại như chít lên đầu một vành khăn ngũ sắc như thể là một vị anh hùng vừa mới chiến thắng trở về...

Cùng với thú chơi cây cảnh, nuôi chim cảnh... thú chơi cá vàng cũng là một nét đẹp văn hóa vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại. Thú chơi cá vàng cũng là một nghệ thuật... .

CHƯƠNG III: NGHỆ THUẬT

NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC

Ông Viện trưởng Viện Những nền văn hoá thế giới, Sêrip Khagionada, viết:

Sao lại có thể tưởng tượng được rằng một hình thức ngôn ngữ sân khấu tâm cổ đã tồn tại hơn 1.000 năm bị lãng quên? Mà sự thật đã vượt qua tưởng tượng. Múa rối nước của Việt Nam không bao giờ xa rời làng quê cội nguồn của họ. Cũng có nhiều người Việt Nam chưa được xem và không biết đến sự tồn tại của nó. Dẫu vậy nghệ thuật nghìn năm nay đã vượt ranh giới ” lợi ích, chất lượng mà sáng tạo ra những diễn tả và khám phá để có thể đứng vào hàng những hình thức quan trọng nhất về sân khấu múa rối. Những nghệ sĩ Việt Nam là những khán giả của một hình thức diễn tả có một không hai trên thế giới. Múa rối nước đã làm giàu cho di sản văn hoá nhân loại ngăn chặn nguy cơ bị đẩy vào trạng thái “ở ẩn” và “lãng quên” , một số diễn đạt ưu tú của tài hoa nhân loại .

Bia đá Sùng Thiện Diên Linh ở làng Đại, huyện Duy Tiên, Nam Hà ghi chép với 4.036 từ tả buổi biểu diễn múa rối nước để mừng thọ vua Lý Nhân Tông (1121) với sự có mặt của các quan trong chiều ngày 3, tuần trăng thứ 8, có ghi lại như sau: “Dòng sông gợn sóng. Một con rùa vàng mang trên mình ba hàng đá. Nó bơi thướt tha trên mặt nước rồi phun nước như mưa. Trong trống nhạc êm đềm, những cánh cửa các hang động ở ra. Thế là các nàng tiên xuất hiện, múa điệu múa “Hồi phong”. Họ giơ những cánh tay mềm mại, nhún cặp mày duyên dáng, nhịp với lời ca. Những con chim lạ bay đến, đậu từng đàn, rồi thi tài nhảy nhót. Những chú lươn non tung tăng... Rùa vàng nhìn về phía nhà vua, cúi đầu kính bái. Nhưng bác tiểu phu giương cung bắn thú v.v. ...”

Ngày nay, trong các tiết mục múa rối nước cổ truyền, người ta lại thấy con rùa vàng phun nước, những nàng tiên với cánh tay mềm mại múa “thần khúc cảnh săn bắn mãnh hổ v.v...

Tháng 3 năm 1984, đoàn múa rối nước Việt Nam gồm 15 nghệ sĩ thực hiện chuyến đi biểu diễn tại CHDC Đức, Pháp, ý và Hà Lan. Đến

đâu, đoàn cung được hoan nghênh nhiệt liệt và được ca ngợi hết lời với nhiều lời bình luận trên 20 tờ báo. Nhiều báo nhận định: “Múa rối nước Việt Nam đã trả lại cho nhân loại một di sản văn hoá vinh quang mà trước đây nó bị nằm trong lãng quên” Đêm ngày 4-3-1985, tại hội trường Ba Đình, đoàn múa rối nước Việt Nam biểu diễn trước 400 khán giả. Nhiều nhà báo nước ngoài đã đến dự và chụp ảnh.

Bên bờ bể nước có đốt pháo bông. Những chùm hoa cà hoa cải đủ màu sắc bay lên cao vút rồi toả ra. Bên cạnh cột đốt pháo bông là một chiếc cột cao treo một chiếc cờ lưỡi hổ đủ màu sắc có chữ “Hội” ở giữa. Tiếng trống, tiếng thanh la, tù và, mõ và đàn sáo nổi lên từng bừng hoà hợp với nhau làm cho cái không khí “hội hè Việt Nam muôn thuở tràn ngập lòng người. Sau đó, qua các tiết mục, chúng ta gặp những lời thoại xen vào những làn điệu chèo, dân ca, thôn ca tùy theo cảnh theo tình xảy ra trên sân khấu mặt nước.

Lách bức màn tre giữa nhà thủy đình tám mái vút cong với màu sắc rực rỡ có những bức rèm thêu hoa lá, rồng phượng cầu kỳ và trang nghiêm rủ xuống, chú Tể bắt đầu ra trò... Chú vừa cười vừa hỏi:

- Bà con ơi!

- Oi... - Tiếng đế đáp lại và các khán giả trẻ thích được góp thêm tiếng “ơi” để trả lời chú Tể.

- Tôi có phải xưng danh không nhỉ?

- Có chứ. Không thì ai biết là ai?

- Tôi vốn là người trên trời. Tôi xuống đây từ cái thuở nước và lửa hoà hợp với nhau. Tên tôi là Tể.

Chú Tể còn khoe đôi điều nữa. Có cả cô gái khăn lụa yếm đào để ý chú ta. Chú là nhân vật chính của múa rối nước. Chú rất trẻ, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn.

Chú là người giáo trò - vừa là hề, là người kể chuyện có duyên và cũng là người bình luận sắc sảo. Chú sống đã hơn 1.000 năm mà vẫn trẻ. Chú kể chuyện xóm làng, Phê cái dở, khen điều hay. Chú kéo cờ, đốt pháo giới thiệu tiết mục, hát, ngâm thơ, múa. Chú kêu gọi sự lạc quan,

sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau và khuyên mọi người nên ca hát và sáng tạo cái đẹp, cái hay cho cuộc sống: “Nền văn tử sao nở để hoang vu?”...

Người ta ném xuống mặt nước một quả pháo vịt. Pháo vịt chạy ngoằn ngoèo dưới nước toả ra khói, hoa xanh đỏ gây ra tiếng chíp chíp rồi nổ toang. Trong lúc rộn ràng và rục rở này, chú Tểu rút lui vào trong màn không quên giới thiệu các trò bằng mấy câu thơ. Lại một lần nữa pháo nổ, trống tù và, mõ nổi lên. Long, ly, quy, phượng lung linh lao ra, nhảy múa, đùa giỡn. Chúng phun khói, phun lửa. Chúng là những con vật thiêng liêng được sơn son thếp vàng và được trang điểm bằng sơn mài độc đáo của Việt Nam. Người xưa cho rằng, những long, ly, quy, phượng kể trên thêm khát một cuộc sống trần gian ở ngay cái ao làng bao nhiêu chuyện lý thú nhỏ nhoi mà lấp lánh. Rồi đến cánh đồng chiêm tấp nập, nơi có những con cò bay lả bay la đến mỗi cánh, có những người lao động cần cù đáng yêu:

Chồng cày, vợ cấy, con trâu

Chàng rẽ tát nước, con dâu đi mò.

Cảnh chơi trâu có anh hề đánh trống thúc giục trâu chơi cho hăng và một người trọng tài vui tính đã diễn tả cái cảnh hội hè, cái thú vui chơi hào hứng mà khoẻ khoắn trên đồng trũng.

Tiết mục “Múa tiên” thật lung linh, huyền ảo. Tám cô tiên xếp hàng múa với nhiều động tác mềm dẻo. Các cô tiên được tạo hình rục rở, óng ánh xiêm y, nhịp với những khúc dân ca mượt mà, đầm thắm.

Múa rối nước của ta hiện giờ có chừng 30 tiết mục cổ truyền, 20 tiết mục mới có giá trị.

Thưởng thức múa rối nước, chúng ta được sống lại với những lời ca điệu múa đã có trong máu của cha ông chúng ta và ngay cả của chúng ta. Ta được thưởng thức tài nghệ của các nghệ sĩ dân gian trong xóm làng gần gũi, được đắm mình trong cái không khí cội nguồn rộn ràng những âm thanh và màu sắc thân thuộc.

Múa rối nước là một trong những hình thức nghệ thuật sân khấu độc đáo, là loại rối điều khiển ngầm dưới mặt nước từ xa, có ở Hà Nội,

Hà Tây, Vĩnh Phú, Hà Bắc. Hà Hưng, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh...

Hiệu quả nhiều mặt, liên tục gây bất ngờ và sự tràn đầy ngẫu hứng của nó đã dành cho múa rối nước một chỗ đứng trong kho tàng di sản văn hoá Việt Nam cũng như trong nền văn hoá của nhân loại.

MÚA CHÈO

Để tìm hiểu múa truyền thống Việt Nam, không thể bỏ qua múa chèo. Múa chèo ôm vào mình một cách tham lam tất cả các khổ múa ở những địa bàn quê hương của nó cũng như ở bất cứ đâu mà nó có thể thu thập được rồi nhào nặn, thêm bớt, làm cho mình trở nên giàu có. Do đó, ta thấy múa chèo còn có những dấu ấn rất đậm đà của những trò chơi lối xóm, múa thiêng, chạy đàn, làm chay, đánh bông, bài bông, múa đèn, múa nển, múa gậy, múa khăn, múa sênh tiền, múa tẩm tiên, múa chạy cờ v.v... Nhiều động tác múa kể trên từ những thuở xa xưa đã lưu lại trên các vách đá, hang động ở Việt Nam. Ở chèo, có nhiều động tác tương chừng như không phải là múa như đi, đứng, đổi vị trí, giao tiếp v.v... mà lại là múa. Có câu tâm niệm:

“Nhất cử nhất động giai điểm vũ” (mỗi cử động đều có múa). Nhiều động tác nhỏ thôi, tí chút thôi mà thực khó thể hiện. Vai Đào Huế trong vở “Chu Mãi Thần” đã múa ngay cả lúc gần như đứng yên mà trong lòng đầy gió bão.

Múa chèo chủ yếu dựa vào đôi bàn tay, cánh và cổ tay. Nhờ đó chèo biểu hiện những trạng thái khác nhau của tình cảm. Lòng bàn tay trong tượng nghìn mắt nghìn tay của Việt Nam có vẽ con mắt ở giữa. Ở sách cổ Ai Cập cũng vẽ trái tim và cặp môi trong lòng bàn tay. Người ta coi bàn tay như cái nhụy của tâm hồn. Với múa chèo, bàn tay còn là mắt, là môi, là trái tim. Múa chèo có những đặc điểm:

1/ Cách điệu cao. Một vài cử chỉ phối hợp của những ngón tay, mắt nhìn là tạo được cảnh trăng lên hoặc trăng tàn. Chỉ vài bước đi rồi chuyển sang động tác khác là đủ nói lên nhân vật từ bỏ nơi này mà đi đến một nơi nào xa xa lắm.

2/ Mềm dẻo, uyển chuyển. Múa chèo gần gũi với tranh lụa ở chất trữ tình, thơ mộng.

3/ Những động tác được thể hiện nhiều nhất ở phần thân trên, cánh tay, bàn tay, ngón tay.

4/ Phóng khoáng, hồn nhiên. Những động tác chèo không tảo tót, không quá trau chuốt mà gần gũi với thiên nhiên.

5/ Múa kết hợp với hát. Diễn viên vừa múa, vừa hát. Hai điều này ăn ý với nhau, bổ sung cho nhau. Múa chèo có 5 nhóm động tác chính:

a) Nhóm chạy đàn. Gồm những bước đi lúc chậm lúc nhanh, có nét buồn sâu lắng, thương nhớ, buổi mênh mông.

b) Nhóm dâng hoa. Tả những cảnh bông bênh mây nước; tả tâm hồn rạo rỡ, gần bó, mật ước, duyên tình...

c) Nhóm dâng rượu: động tác chậm, thiêng liêng trang trọng, kính cẩn, tin tưởng.

d) Nhóm cướp bông. Vui nghịch, tự do ngẫu hứng sơ luyện.

e) Nhóm tấu nhạc. Gồm những tiết tấu nhắc đi nhắc lại, nhấn mạnh, nguyện cầu, trầm ngâm...

Năm nhóm động tác cơ bản này làm cơ sở, được cộng với những động tác phối hợp hoa mỹ mà biến hoá ra nhiều hình nhiều vẻ, lột tả những trạng thái và khía cạnh của tình cảm khắc hoạ nên những nhân vật đầy cá tính. Tuy có bài bản, luật lệ nghiêm khắc nhưng múa chèo cũng như loại nghệ thuật biểu diễn khác, lệ thuộc nhiều vào tình cảm, tài năng tính năng động, kính ngẫu hứng say sưa của diễn Viên biểu hiện. Diễn viên tạo ra cái “thần” có những dư âm thẩm mỹ trong từng động tác múa.

Múa chèo có vẻ đẹp đa dạng, phong phú, nhìn không chán mắt, xứng đáng chiếm một vị trí quan trọng trong kho tàng múa truyền thống Việt Nam.

HÁT GIAO DUYÊN

Ở nước ta, mỗi độ xuân về hoặc xuân thu nhị kỳ. Mọi nơi thường tổ chức lễ Tết, ăn mừng, vui chơi, chào đón ngày mùa bội thu, lễ rước Thành Hoàng v.v...

Trong những cuộc vui như vậy luôn có mặt những buổi giao duyên, đua đòi, trống quân, hát xoan, hát ghẹo, sli hò, quan họ, hát đúm v.v...Đề tài của những cuộc hát rất rộng rãi và ngẫu hứng như: ca ngợi quê hương, xóm làng, những cảnh đẹp thiên nhiên, tình yêu trai gái v.v... Chất trữ tình, tự sự, huê tình luôn luôn được nhấn mạnh. Đông đảo dân làng và các nơi lân cận kéo đến dự rất nhiệt tình. Những người tham gia hoạt động văn hoá này thường chia ra một bên nam, một bên nữ. Đầu tiên, họ hát chào nhau, chào tất cả mọi người đến thưởng thức với những lời ca hay, tươi đẹp. Họ đối đáp với nhau, thi giọng hát và sự đối đáp thông minh. Nhưng càng về sau càng “găng” và nặng về chất phong tình trai gái. Bên nữ có thể mạnh dạn hơn nhiều, chanh chua ngoa ngoắt và bên nam thì lộ ra cái chất tán tỉnh và thèm thuồng, đùa giỡn với bên nữ. Đối phương cũng chẳng chịu kém, cũng ỡm ờ, bỡm xờm, chòng ghẹo. Riêng kiểu hát đúm là dữ dội hơn cả. Họ nói lúc tan là lúc đôi nào vào đôi ấy, dắt nhau vào một chỗ kín nào đó.

Hát đúm có những đoạn đối đáp như sau:

Đôi ta gặp gỡ nhau đây

Như đôi bò gầy gặp bãi cỏ non

- Anh còn son, em cũng còn son

Ước gì ta được làm con một nhà

Ra vào đụng chạm để mà nhớ thương.

Ở đây, sự đụng chạm là sự nhớ thương tích cực, thể hiện mãnh liệt qua hành động.

Hoặc như:

- Công em vén váy phát cờ
 Đẻ ra một lũ lờ đờ ngáo ngơ
 - Có cây rồi mới có hoa
 Có công anh đi lại mới tòi ra cô nàng
 - Làm hoa cho người ta hái
 Làm gái cho người ta trêu
 - Đôi ta như đá lười dao
 Năng liếc thì sắc, năng ra vào thì có tí nhau
 - Cô kia tươi tốt rơm rà
 Tuy rằng tốt đẹp nhưng mà cong chân.

Cô gái liền đáp lại:

- Em từ trong đó em ra
 Cớ sao em biết rằng hoa chị tàn
 Hoa tàn nhưng nhụy chưa tàn
 Muốn xem, chị gỡ tấm màn cho xem

Hoặc như:

- Thân em ví xẻ làm đôi được
 Thì mỗi anh hùng một miếng ngon
 Thư hương gia giáo nếp nhà
 Sao anh sàm sỡ ra tuồng tà ma
 - Không bằng đôi má em hồng
 Em trơn lông đỏ da quá mức
 Anh là ma, anh bắt em má hồng.

Anh con trai cố tìm những phép màu để bắt cô gái. Mà do sự cần thiết, đã để ra phép màu thật vì anh thấy cô gái sạch bong, tươi mát, đầy nhục cảm.

- Ba bốn nơi tới hỏi, em chẳng màng

Chờ anh chết vợ, em sẵn sàng nhảy sang.

Và... cứ như thế, hai bên nam thanh nữ tú... họ hát với nhau đến thâu đêm, suốt sáng. Hát từ đời này sang đời nọ, không dứt.

Loại hát giao duyên này có nhiều câu hát thuộc ca dao, tục ngữ mà đậm đà nét phong tình.

Nữ

Trầu ấy em tôi vôi tàu

Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng

Dẫu chẳng lên vợ nên chồng

Xơi dăm ba miếng vợ lòng nhớ thương

Nam:

Cầm lược thì nhớ đến gừng

Cầm khăn nhớ túi, đi đường nhớ nhau

Cầm trầu lại nhớ đến cau

Cầm bác nhớ đèn, cầm chỉ nhớ kim

Nữ:

Cột vây mà thôi

Giỡn vây mà thôi

Chồng em như nén vàng đôi... đợi em ở nhà...

Nam:

Ta về ta bẻ cành lá cấm đây

Đến mai ta cứ chốn này ta chơi

*Bên kia gò, bên này cũng gò
Có phải nhân ngãi thì dò sang đây
Bên kia nương, bên này nương
Có phải nhân ngãi thì thương nhau cùng...*

Hát giao duyên hãy còn sống mãi trong cuộc sống của chúng ta, trong ca dao, trong các câu chuyện kể tâm tình của dân gian, trong những cuộc hội hè đình đám, nó góp âm thanh và hình ảnh, làm duyên cho những sự gặp gỡ. Nó truyền từ đời nọ đến đời kia để những câu hát được mỗi ngày một mới mẻ. Quả thực, nhiều những câu hát mới ngày nay là một phần nào hoá thân của những câu hát mà những thế hệ trước chúng ta đã hát. Hình thức và thanh âm của chúng đã khác đi, nhưng tinh thần, hồn phách của nó chỉ là một. Nó ca ngợi cuộc sống, ca ngợi xóm làng, ca ngợi tình yêu trai gái mặn nồng khôn nguôi của những người con trai con gái sắp sửa và đang bước vào tình trường. Hát giao duyên sẽ còn mãi...

DIỄN XƯỚNG TRÒ MỤC LIÊN - THANH TRÌ

Bên nhà ông cả Biển đang có chuyện buồn. Mẹ ông mới mất ở tuổi 94. Cụ chẳng ốm đau gì mà nằm xuống như một giấc ngủ. Họ hàng, làng xóm đến phúng viếng đông nghịt. Phường kèn, thỉnh thoảng lại cử lên những khúc bi ai, não nuột, trầm bổng. Nổi bật lên là những khúc “Điếu quân”, “Lâm khốc”, “Con nhận lạc đàn”. Các con, cháu, chất của người chết đều đứng, ngồi quanh cỗ quan tài sơn đỏ có chữ “Thọ”, “Sống dầu đèn, chết kèn trống”. Người ta cho rằng những nét nhạc sâu nổi lên để an ủi gia đình người chết. Nhưng cũng là để tiễn người ra đi. Chúng đảm nhiệm việc giao cảm giữa cái chết và sự sống. Do đó, chúng kể lại nhiều chuyện lắm. Trong tiếng nhạc tổng hợp mà chủ đạo là tiếng kèn pha có cả đêm mưa phùn, ngày gió bắc, những đàn bi thương v.v... Nàng dâu trưởng đã trên 70 tuổi khóc lên tiếng khóc đầu tiên với giọng kể lể, “Mẹ ơi, a ... cũng một kiếp... người”.

Liên bên cạnh là nhà ông Hai-y. Ông là con thứ hai của người chết. Tại đây, mọi người thân thuộc tổ chức diễn trò Mục Liên - Thanh Đề để phối hợp với tang lễ và để cầu nguyện cho mẹ già.. Đó là tục lệ đã có từ lâu đời ở cái làng Yên Sơn nằm sát chùa Thầy, cách Hà Nội chừng hơn 30 kém.

Người ta đốt mấy ngọn nến bập bùng. Điều này gây nên một không khí bí ẩn, tâm linh trong làn khói hương nghi ngút. Các diễn viên nam, nữ nghiệp dư và tự nguyện là những người nông dân trong làng xóm.

Những trống, phách, đàn, nhị đơn sơ và cũ kỹ được nổi lên. Trang phục thì chỉ cần sửa sang chút ít các trang phục lao động thường ngày. Có thêm hoặc mượn của nhau mấy tấm khăn màu, chiếc khăn tai chó, mấy chiếc thắt lưng xanh, đỏ... ông lái đồ được vẽ thêm bộ râu, có thêm chiếc bơi chèo. Nhân vật chính là Á Phật, đại mục Kiền Liên tức Mục Liên có được chiếc mũ “thất Phật” gồm 7 cánh hoa sen. Một mảng của

chiếc áo cà sa. Mục Liên cầm gậy “tầm xích!”. Mấy vai đóng chúng sinh thì tha hồ, ai có gì mặc nấy, có đánh chút má hồng. Sân khấu là hai manh chiếu. Một số các bà các chị đứng xung quanh cũng tham gia vào cuộc biểu diễn. Đủ cả, cao, thấp, béo, gầy, già trẻ, răng đen, tóc vấn, đi chân đất... Họ có tác dụng là giàn “đế” và kẻ “kệ” và hưởng ứng những điệp khúc: “Nam mô A di đà Phật”.

Bác Mạc có giọng tốt, ngâm lên:

Con ơi! Đất rộng trời cao

Công ơn cha mẹ so sao cho bằng.

Sau đó, tất cả mọi người đều kê “thập ân” nói về 10 ân đức chinh của cha mẹ đối với các con. Đây là một bài tụng ca buồn rầu, thương cảm mà hùng hồn. Bác Hai lại đóng vai Mục Liên là một vai mà không ai tranh được với Bác. Á Phật Mục Liên đầy hạnh đức và trí tuệ, rất có lòng hiếu với mẹ. Ngài xin với đức Phật được xuống âm ty thăm mẹ bị hình phạt. Nguyên nhân phải chịu hình phạt của bà Thanh Đề (mẹ Mục viên) là vì lúc còn sống, bà đã làm nhiều điều ác với cộng đồng. Mục Liên giảng giải cho mẹ và một số phạm nhân trong lao tù để họ nhận ra sai lầm và chịu sám hối. Khi họ đã hiểu rõ điều tốt, xấu, họ được ra khỏi lao tù, đi thuyền sang “bờ bên kia” để chuẩn bị đầu thai vào kiếp sau và trở nên những con người tốt. Những động tác thấp hai tay trước ngực, mắt nhìn xa xôi và những dáng đi đầy suy tư... được diễn viên trình diễn rất đẹp. Nhưng có lúc, Mục Liên lại có dáng đi nhanh như gió, lúc gập ghềnh, lúc đi quanh mấy vòng trong tiếng nhạc và tiếng cầu kinh làm cho mọi người như nín thở. Đó là những bước đi vạn dặm của đời một con người trần gian. ông đi mà là múa. Múa thật sự là khác. Đến lúc Mục Liên vừa hát kinh vừa múa gậy tầm xích thì bật ra những điệu múa cổ xưa đã ngủ quên lâu rồi, đột nhiên được đánh thức dậy. Cảnh múa thậtưng bừng bốc lên cùng với tiếng thanh la dồn dập, tiếng trống thúc lúc nhẹ như gió, lúc như mưa... như khắc khoải... như thân phận con người.

Người dẫn chuyện hát lên những khúc hát mộc mạc Không hay lắm! Giọng bác là thứ giọng nguyên chất chưa từng bị pha chế. Một

giọng hát nhà nghề uốn éo nào đó vào đây sẽ bị đánh bật ra ngay. Nhưng giọng hát mộc mạc của báu có cái hơi nguyên thủy, có cái duyên kiếp.

Buổi biểu diễn có đầy đủ chất sân khấu, gồm cả kể chuyện, giáo đầu, ngâm ngợi, đọc kinh, hát kinh, múa, độc thoại, hài hước v.v... Tất cả được tổng hợp lại làm cho đêm diễn vừa ảo mà vừa thực. Chúng liên kết cuộc đời của những con người lại với nhau qua những nét huyền thoại, ký ức, hình ảnh... từ những đời cha ông xa xưa truyền lại, làm cho họ gắn bó lại với nhau trong cái cảm giaco chòng chành. Tất cả lời cuốn họ vào một mối tình thiêng liêng mà cao cả là tình mẹ con. Người ta thấy cần phải hy sinh cho mối tình đó.

Cả vở toát lên tình mẹ con, tình yêu thương cộng đồng. Vở kịch cũng răn đe điều ác và luôn nhắc nhở mọi người rằng cái thiện và cái mỹ sẽ tất thắng. Vở diễn mang tính nhân văn cao. Chính vì vậy, nó tồn tại trong lòng nhân dân từ rất lâu và trở nên phổ biến ở khắp các làng quê của chúng ta. Nó thường có mặt trong những ngày đình đám, lễ tết, ngày 15 tháng bảy xá tội vong nhân, lập xuân hoặc ở những đám tang mà người chết có tuổi thọ gần 100 tuổi. Những năm gần đây “múa rối nước”, “ba giá đồng”, “hạn hán và cơn mưa của Việt Nam đã làm nghiêng ngả các sân khấu trong và ngoài nước. Vở “Mục Liên - Thanh Đề” cũng sẽ như vậy. Nó cũng là một vật báu của kho tàng văn hoá Việt Nam. Có điều, nó chưa được những con mắt của các nhà nghiên cứu chú ý đầy đủ để được Khám phá và nâng cao. Tuy vậy, nó được giữ gìn và kính trọng trong tâm khảm người dân. Nó là củ ấu gai, hãy còn thô mộc, sù sì. Nhưng bên trong thì ngọt bùi, đậm thắm, quyến rũ, nuôi sống được con người.

Ở Trung Quốc cũng có chuyện Mục Liên cứu mẹ. Nội dung cũng gần gũi với trò Mục Liên - Thanh Đề của ta. Mục Liên cứu mẹ của họ xuất hiện tại một số tỉnh miền Nam. Sân khấu Trung Quốc đã sưu tầm được hơn 10 bản Mục Liên cứu mẹ để quy nạp, khái quát và nâng cao. Các học giả Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ, Anh... đã có những công trình nghiên cứu về “Mục Liên cứu mẹ”. Họ còn đang tiếp tục

nghiên cứu sâu hơn nữa. Diền xướng trò Mục Liên - Thanh Đề của ta vẫn đang là một mảnh đất chưa được khai phá.

NÉT TUÔNG

Sân khấu tuông là sân khấu tổng hợp của nhân vật được hoá trang, có phục trang ước lệ, tượng trưng với múa hát, nhạc đệm, phương pháp thể hiện, do đó cũng phải dựa vào các nguyên tắc cách điệu, ước lệ, tượng trưng.

Ở tuông, các nhân vật được đúc lại thành những khái niệm cụ thể từng mô-típ riêng. Nào là kếp văn, kếp võ, kếp rừng, kếp đỏ, kếp xanh, kếp phong tình, kếp đen, kếp rằn... Về vai lão có: Lão văn, lão võ, mục lạnh, mục ác. Đào có đào chiến, đào thương, đào điên, đào yêu, đào lẳng...

Mỗi nhân vật có kiểu vẽ mặt và qui cách trang phục riêng. Những điều này được coi như chứng chỉ của nhân vật theo phương châm: “Nhan y giai nữ”, nghĩa là sắc mặt và áo xiêm đều lên tiếng. Như vua bao giờ cũng đội mũ cửu long, mặc hoàng bào. Hoàng hậu đội mũ cửu phụng, mặc áo vàng, đi hài phượng xa hoa và sắc sỡ. Kếp rừng mặt xanh có tròng xéo, mang xiêm áo chèn, quần xà cạp. Thái sư thì đội mũ bình thiên, mặt mộc đeo măng, đi hia...

Về kỹ thuật hoá trang mặt, nghệ thuật tuông chú trọng vào đôi mắt tả thần. Diễn viên mở rộng độ mở của hai con mắt, lông mày rậm, to và xéch tùy theo nhân vật, có khi rất dài. Mặt được xoa lớp nền trắng rất dày. Có ba nguyên màu chính là đen, đỏ, trắng và dẫn xuất của chúng. Với bộ mặt của lãn tướng, hổ tướng, tướng đóng (lớn) thì giữ biểu tượng con hổ để tăng vẻ dữ dội. Lông mày to, xéch, nhọn. Trên mặt có những nét gợn gằn gủi với những văn hồ, gọi là những nét vờn màn đen và những nét vờn nhạt hơn màu đen một tông điểm xuyết lượn quanh hoặc chấm phá dựa theo độ rung của cơ mặt và má. Cũng gọi là những đường “nan” phản ánh đầy đủ trong vai võ tướng Tạ ôn Đình, còn bộ mặt Thương Linh Tá lại mang biểu tượng con chim ưng, biểu thị sự thông minh nhanh nhẹn. Mũi được bôi quầng hai bên cạnh để nâng sống mũi

lên, cánh mũi rộng ra. Những người trung thì thường mặt đỏ, râu dài. Người nhinh thì mặt rần, râu ngắn. Tuy nhiên, ngoại lệ có những trung thân, nhưng vẽ mặt rần, đeo râu ngắn vì hình dáng bên ngoài đời của hai nhân vật này xấu xí, tính tình nóng nảy, gan góc. Khương Linh Tá, Thủy Định Minh cũng là những anh hùng chính nghĩa, nhưng mặt không đỏ lại được vẽ thêm những khuyên đen trắng để thể hiện tính nóng nảy cương trực, dũng mãnh.

Với kép Phong tình thì màu hồng là chủ đạo, long mày dài. Đào thương có bộ mặt hồng nhạt. Đào lẳng có con mắt lá rằm, đuôi mắt dài. Đào võ có bộ mặt đỏ rực rỡ, lông mày cong xé. Đào võ tiêu biểu là Đào Tam Xuân thì có bộ mặt bên xanh, bên đỏ, nói lên vị nữ tướng xuất hiện từ nơi rừng xanh, núi đỏ xa vời. Hơn nữa, đó là một con người kỳ dị từ xa xưa trở lại. Đào Tam Xuân quá lộng lẫy và hấp dẫn đã trở thành người của cuộc đời mà không phải vợ riêng của ông trùm từ một thuở xưa nào đó nữa. Ông trùm nổi máu ghen bịa ra cái chuyện hoá trang bên xanh, bên đỏ để hạn chế sự hấp dẫn của nàng, làm cho nàng xấu đi để dễ phân bảo vệ. Sự kiện này được ghi trong ngoại sử làng tuồng. Tướng văn và kép văn có bộ mặt hồng nhạt. Lão tướng võ đen râu sậm (liên tu). Lão tướng văn đeo râu đen ba chòm dài. Tướng nhinh với bộ mặt chỉ có hai màu đen, trắng. Lông mày hình con cá rô có khía.

Bộ áo giáp chia ra bốn vế và đều được thêu những hoa văn rực rỡ mà hoang dã. Có vế đằng trước, đằng sau và hai bên. Quan trọng nhất là vế đằng trước vì nó được trình bày đủ nhất. Nào rồng châu mặt trời, nào hình hổ báo cách điệu kèm theo hoa văn bằng chỉ vàng, chỉ bạc. Phía bên ngực có bộ tâm kính tượng trưng cho mặt trời, giữa có giải thắt lưng bó gọn, có màu sắc hài hoà với toàn cục. Phía dưới là những vệt màu, hoa văn nhiều màu sắc mô tả sóng gầm mây cuộn. Có những loại áo giáp với những nền xanh, đỏ, đen? tím. Giáp trắng dành cho những nhân vật võ mà siêu phàm. Vua mặc hoàng bào thêu rồng khắp nơi. Với các quan to cũng được thêu một hai nét rồng. Với các loại quan cũng to nhưng không ghê gớm lắm thì được thêu mặt hổ, báo... Kép văn mặc long châu.

Mũ mãng có màu vàng (dành cho vua), đỏ, xanh, tím, đen. Mũ màu đen không bao giờ dùng cho tướng trung và điềm đạm. Tướng lớn đội mũ

bình thiên. Phía bên ngoài mũ cũng được tạo hình những rồng phượng vàng hoặc bạc, mặt trời và các đường triện sắc sỡ. Mũ cũng có kiểu dài, rộng, cao. Có loại gắn thêm những tua hoặc quả bóng màu rung rinh theo động tác và cử chỉ của diễn viên.

Tất cả các nhân vật đều đi hia màu có thêu kim tuyến. Hia có thể nâng chiều cao của diễn viên lên từ 7 - 15 cm. Các tướng phải có dáng cao và đẹp. Rất kỵ người lùn giữ những vai quan trọng gọi là vai “cờ”. Thư sinh thì đi hài với những bước đi lững thững. Một vài nhân vật đẹp như Triệu Tử Long (nam) hoặc Đào Tam Xuân (nữ) có đeo thêm 8 lá cờ sau lưng và bộ lông trĩ sắc sỡ, dài mà cong. Ở tuồng, bộ râu, tay áo lông trĩ vừa để trang trí, vừa là đạo cụ độc đáo. Một số quan văn hoặc văn pha võ đội mũ có dải.

Điều khác biệt về hoá trang mặt của các diễn viên tuồng Việt Nam với Kinh kịch Trung Quốc là: Trên mặt diễn viên Kinh kịch Trung Quốc sử dụng nhiều màu sắc hơn và màu nào cũng được đánh bóng. Họ chia ra những mảng màu cầu kỳ, chải chuốt Còn ở tuồng Việt Nam thì tính cách điệu cao đến táo bạo, màu sắc ít hơn, giản dị mà thi tập trung chú ý vào xung quanh đôi mắt. Ở tuồng Việt Nam, những đường nét rõ ràng, thô kệch một chút nhưng là ngẫu hứng. Với tuồng, bộ mặt được hoá trang, trang phục là những tác phẩm mỹ thuật hoàn chỉnh. Đứng riêng, chúng là những công trình về tạo dáng và sắc màu còn đọng lại được cho đến ngày nay qua sự thử thách của nhiều đời. Vì vậy, chúng làm nao núng cả giới trang trí sân khấu thế giới qua hai lần mở triển lãm về mỹ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam tại nước ngoài (1985 và 1987) và đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với các nhà nghiên cứu nước ngoài đến Việt Nam nghiên cứu về mỹ thuật và về sân khấu...

TRANH SƠN MÀI

Về nghệ thuật tạo hình, sơn mài đóng vai trò hàng đầu về chất liệu truyền thống và tranh sơn mài giữ một vị trí quan trọng trong nền hội họa Việt Nam.

Đối với thế giới, tranh sơn mài Việt Nam cũng được đặc biệt chú ý vì nó có sắc thái riêng biệt và biểu hiện rõ tính dân tộc đậm nét.

Sơn mài còn gọi là sơn ta, đã có truyền thống lâu đời ở những thế kỷ trước, những tượng gỗ tại các đình, chùa, miếu, được sơn son thếp vàng. Những bàn thờ, câu đối, hoành phi, đồ thờ v.v... cũng được xử lý bằng sơn mài với những màu sắc lộng lẫy và bền chắc. Các đồ mỹ nghệ thủ công cũng đã là những mặt hàng xuất khẩu có tiếng vang. Thế kỷ 16, phố Nam Ngư (Hà Nội) là phố của những người làm sơn mài. Thế kỷ 17, một nhà kinh doanh người Anh đã cử một kỹ thuật viên sang Thăng Long (Hà Nội) học kỹ nghệ sơn mài của Việt Nam.

Từ gần một thế kỷ nay, sơn mài đã được giới họa sĩ Việt Nam tìm tòi nghiên cứu và nâng sơn mài lên một vị trí cao. Họ làm tranh sơn mài, do đó, sơn mài được thêm vào những chất liệu phong phú với nhiều loại bột màu, bột vàng, bột bạc, vàng lá, bạc lá, bột màu thực vật, vỏ trai, vỏ trứng v.v...

Chất sơn lấy từ cây sơn. Nhựa cây hứng về, đổ vào các “sỏi”, bằng tre đan, đập lên một lớp giấy bản. Nhựa này gọi là sơn sống, giữ càng lâu càng tốt. Qua nhiều ngày, nhựa bị mất nước, lên men và lắng đọng, tạo ra nhiều lớp sơn khác nhau, màu sắc khác nhau, gọi là những “tuổi sơn”. Lớp trên cùng màu sẫm là loại tốt nhất. Sơn chất lượng cao đổ vào thùng gỗ và dùng chày khuấy trong ba ngày liền. Sơn sẽ trở nên trong hơn có màu giống cánh con gián nên gọi là sơn cánh gián.

Nó sẽ trở nên bóng hơn khi được trộn thêm ít nhựa thông. Lại đổ nhựa vào chậu sành và khuấy bằng chày sắt, sơn sẽ ngả màu đen huyền.

Các loại bột màu- bình thường khi trộn với sơn, bị sơn làm “đen hoá” hoặc làm xám xỉn lại nên phải dùng những bột màu được xử lý đặc biệt. Người ta dùng vàng và bạc thật ở dạng lá dát thật mỏng hoặc ở dạng bột mịn trộn vào sơn. Một số màu: xanh lá cây, xanh lam, vàng, tím, trắng ở dạng bột không hoà tan. Một vài màu phẩm cũng dùng được. Người ta còn dùng hạt dành dành để tạo màu vàng, dùng vỏ trứng vịt, trứng gà khảm vào tranh sơn mài để tạo nên màu trắng. Còn vỏ trai, ốc thì tạo nên những màu xanh, tím, hồng óng ánh huyền ảo.

Làm một bức tranh sơn mài, họa sĩ chọn tấm gỗ khô, nhãn gọi là “vóc”. Vóc được quét một lớp sơn sống lên cả hai mặt rồi dùng vải hoặc lụa quấn quanh tấm gỗ. Khi khô, được sơn lên nhiều lớp sơn khác nhau. Đợi khi các lớp sơn vàng khô, người ta quét lên một lớp sơn nữa và “bó” một lớp mát tít gồm sơn sống, mùn cưa rây nhỏ và đất sét. Khi lớp “bó” khô, sẽ được phủ lên hai lớp sơn sống nữa. Bề mặt tấm vóc được mài nhẵn bằng đá bột với nước. Sau đó, sơn “thi” lên tấm gỗ từ ba đến bốn lớp then chín màu đen. Tiếp sau là nhiều lớp sơn nữa. Họa sĩ dùng phấn hoặc bút chì vẽ phác rồi vẽ sơn có trộn màu lên. Lớp một khô sẽ vẽ lớp thứ hai, sau khi vẽ xong, toàn bộ bề mặt còn phải phủ lên một hoặc hai lớp sơn son với lớp màu thích hợp, tức là dựng các màu chồng lên nhau. Nếu tác giả muốn dùng vỏ trứng hoặc vỏ trai, ốc thì dùng dao trổ, cài vào lớp sơn ướt ở mảng thích hợp. Sau đó, lại phải phủ lên một hoặc hai lớp và đợi cho khô. Bức tranh khô cũng được mài bằng đá màu với nước làm cho những nước sơn “hiệu quả” cũng như những vỏ trứng, vỏ trai, bạc, vàng hiện dần ra với những mảng màu mong đợi. Muốn sử dụng vàng lá, bạc lá thì đặt lá vàng hoặc lá bạc lên tranh, phủ lên trên một hoặc hai lớp sơn mỏng. Bột vàng, bột bạc, bột màu thì trộn vào sơn mà vẽ. Cuối cùng, vẫn là động tác mài cho đến lúc những đường nét và mảng màu nổi lên là được. Chúng nổi lên vừa đúng ý đồ của họa sĩ, vừa bát. ngờ...

Lưu ý đến bảng màu sơn mài, ta sẽ thấy khả năng và tính ưu việt của những loại sơn. Sơn then đen bóng, sâu thẳm đến vô cùng. Sơn cánh gián trong veo, óng ả Phủ lên các màu và vàng bạc sẽ làm cho màu sắc biến đổi tạo thành những màu sắc dẫn xuất và tạo nên những âm vang

màu sắc đầy kịch tính. Qua sự kết hợp giữa sơn ở tuổi khác nhau, các bột màu cũng trở nên mờ ảo, rục rờ và có những độ nổi chìm trong bức tranh. Thực ra, mỗi một màu sơn đứng độc lập cũng đã tạo nên những vẻ đẹp của riêng nó. Ngoài những bức tranh sơn mài ra, lại có những tác phẩm khắc chìm và đắp nổi.

Những năm 30 của thế kỷ này, tranh sơn mài và các tác phẩm thủ công mỹ nghệ đã trải qua một cuộc phục hưng. Nó khẳng định rằng khả năng biểu hiện của sơn mài trong hội họa là không hạn chế. Nó có thể diễn tả được đủ loại nội dung đề tài. Nhưng từ sau Cách mạng tháng Tám (1945), cuộc phục hưng thứ hai của sơn mài mới thực sự rộng khắp và sôi nổi. Nhiều bức tranh sơn mài và các đồ mỹ nghệ thủ công sơn mài Việt Nam được đưa ra nước ngoài hàng loạt. Chúng được đánh giá cao ở nước ngoài cũng như ở thị trường trong nước. Những họa sĩ gắn bó với sơn mài và có những bức tranh sơn mài có tiếng vang phải kể đến các họa sĩ như: Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Hoàng Tích Chu, Nguyễn Đỗ Cung, Phan Kế An, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Văn Ty, Trần Văn Cẩn v.v...

Tranh sơn mài thường được vẽ ít nhiều theo ước lệ, ngẫu hứng. Nó cũng như tình yêu vậy, xuất phát từ tấm lòng chứ không nhất thiết theo những quy luật lạnh lùng của hội họa nói chung và cũng không theo những bảng màu được công bố một cách máy móc nặng về kỹ thuật. Rung động trong lòng thế nào, họa sĩ thể hiện ra tranh như thế. Có khi nó phớt lờ cả tỷ lệ hoặc luật viễn cận. Nó không lý sự dài dòng. Nhưng chính vì thế mà những bức tranh sơn mài Việt Nam trở nên thâm kín, sâu lắng, ám áp, mơ màng và xôn xao. Về phần mỹ nghệ thủ công, những chiếc lọ sơn mài, những chiếc hộp, đĩa trang trí, ghế, guốc, tượng, đồ thờ và các đồ trang sức v.v... làm bằng sơn mài hoặc trang điểm bằng sơn mài được liệt vào những mặt hàng hiếm mà khách nước ngoài săn tìm.

Tương lai của sơn mài rất sáng lạn. Nó đã và sẽ góp vào vườn hoa nghệ thuật Việt Nam và thế giới một bông hoa khiêm tốn và độc đáo.

TRUYỆN VỀ BỨC TRANH “HỨNG DỪA”

Tôi về thăm làng Hồ, tới nhà cụ Quỳnh thì cụ cũng vừa ra khỏi gian nhà cổ. Cụ bảo: “ Ôi, nhà báo lại có điều gì dạy bảo đây...”

- Dạ, là hàng con cháu, xin đến thăm cụ.

- Cám ơn ông.

Cụ Quỳnh đưa tôi vào nhà, mời uống nước chè xanh và hút thuốc lão Tiên Lãng. Cụ vừa mới ở Hà Nội về. Cụ không chịu được cái không khí Hà Nội. Ở Hà Nội không biết trắng sáng tỏ hoặc trắng suông là gì. Thế thì biết làm sao được cái câu: “Sáng trắng sáng cả vườn đào”? Biết được làm sao cái điệu “Suông hời” thảng thốt... ? Nể lòng người cháu họ mời ra Hà Nội, cụ chỉ nán lại ba ngày rồi nằng nặc đòi về làng Hồ. Về nhà, cụ còn góp ý cho bọn trẻ khắc lại những ván tranh Đông Hồ cổ, còn đi hết nhà này đến nhà nọ, còn nghe bọn trẻ hát những bài quan họ mà cụ cho là quan họ rớm v.v... Cụ đã 95 tuổi mà vẫn tinh nhanh, quắc thước, râu tóc như bông, nói đến chuyện các bức tranh Đông Hồ, cụ nói một mạch như thể chỉ sợ tôi xen vào sẽ cắt đứt mạch suy nghĩ của mình. Bàn đến bức tranh “ Hứng dừa “ cụ bèn kể lại theo lời của cha, ông cụ đã nói với cụ. Tôi chỉ còn biết nghe và nhớ lại từng chi tiết Và đó cũng là ước mơ của tôi.

Ngày xưa, cứ gần hết ngày Tết là có những đám thanh niên nam nữ rủ nhau đi chơi xuân... họ thách nhau lên trèo dừa. Không kể dừa nhà ai, cứ cây nào dễ trèo là trèo trấy vài ba quả lấy may. Chủ nhân vườn dừa rất dỗi rộng rãi, cởi mở, không lấy tiền. Chàng thanh niên nhanh nhẩu, hoạt bát trèo thoát lên cây dừa, giữa tiếng hoan hô âm ỉ và tiếng tán thưởng của mọi người.

Chàng thanh niên mặc quần đùi ống rộng, không mặc quần si líp như bây giờ. Người ta gọi các cô gái ra hứng dừa. Lẽ dĩ nhiên, có một cô

nhảy ra làm việc đó cô gái ra khỏi đám đông, đến gốc dừa. Lúc này tiếng ồn ào, cười đùa hò hét vang lên như sấm. Chàng thanh niên sờ tay vào những quả dừa rồi hét lên:

- Ai ơi, xong chưa?

- Xong rồi... Cô gái và tất cả mọi người reo lên... .

Một quả dừa nhỏ được tung xuống. Cô gái vui quá, nâng váy lên đỡ. Mọi người ào tới, vỗ tay khen cô gái và khen cả những động tác hớ hênh của cô. Cô gái để mình trần, mặc chiếc yếm điều hờ hững. Giải thắt lưng xanh giữ cặp váy trang điểm rất nhiều cho thân thể ngọc ngà của cô. Đây mới là màn một. Đến màn diễn thứ hai có phần đặc sắc hơn. Một cô gái thứ hai ra hứng tiếp. Lần này, chàng trai mưu mẹo hơn (con trai là thế đó) "Anh ta thả xuống một lúc hai quả dừa to và nòng thật nhanh. Và thế là hai quả dừa quá tải này đủ để làm tụt váy cô gái ra trước thanh thiên bạch nhật. Cô gái bàng hoàng xấu hổ, vớt cả dừa, vội vàng vơ váy lên, mặc lại váy rồi chạy một mạch về phía đình làng. Bọn trẻ xúm lại, tranh nhau hai quả dừa mà cô gái không nhận này. mang về nhà. Đó là điềm may lớn.

- Chúng tôi được trận cười vui vẻ. Ông cụ Quỳnh nói cười rung cả chòm râu bạc.

- Thưa cụ. Có thể vì vậy mà các cụ sống lâu đấy ạ.

- Tôi không biết. Nhưng không hiểu sao, năm nào cũng như năm nào mà bọn con gái không biết rút kinh nghiệm, cứ để bị tụt váy nhỉ? Phụ nữ họ nhẹ dạ, cả tin chẳng? Cứ vui lên là quên không coi trời đất là gì. Lạ thật chú nhỉ? Dạ. Có thể là như vậy.

- Mà thế mới sướng chứ ?

Vâng...

MÂY BÔNG HOA NGHỆ THUẬT

Những năm 1976-1977, tôi đi cùng với mấy nhà nghiên cứu âm nhạc người Bun-ga-ri đến dự một buổi ca trù và biểu diễn nhạc cổ tại một căn gác nhỏ trên phố Trần Hưng Đạo. Đào nương là bà Quách Thị Hồ, ông Trúc Hiền đánh trống châu. ông Chu Văn Du đánh đàn đáy. Ông Đinh Khắc Ban thỉnh thoảng hoà vào mấy tiếng đàn nguyệt đầy kịch tích. Tiếng phách dạo lên giòn giã tung tăng như có gió,

có mưa, có tiếng lòng tha thiết. Bà Hồ hát lên:

Lá thu rơi rụng đầu ghềng

Sông thu đưa lá bao ngày biệt ly

Nhạn vềén lại bay đi

Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm

Lá sen tàn tạ trong đầm

Nặng mang giọt lệ, âm thầm khóc hoa

Sắc đâu nhuộm Ô quan bà

Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà dương

Nào người có lý tha hương

Những giọt đàn đáy rung lên : từng... từng... từng... từng... Nghe như tiếng đàn từ ngàn xưa vọng về. Chát... chát... chát.. tom, mấy tiếng trống châu của ông Trúc Hiền vang lên. Ông lim dim đôi mắt say sưa, ngây ngất về bài thơ của Tản Đà và giọng hát đỏ hột mà rất “hàng hoa” của đào nương. Nghe yêu quá. Chính trong cái trạng thái tâm hồn chạng vạng ấy mà ông Trúc Hiền mới góp được vào những tiếng trống hào hoa, xuất thần.

Mấy người bạn nước ngoài cũng như mấy chuyên gia âm nhạc Việt Nam ngồi nghe chết lặng. Các bạn cảm ơn, vái ông Trúc Hiền. Tôi cũng khen ông: “Tiếng trống của ông hay quá”. Ông Trúc Hiền nói ngay: “Năm nay tôi 70 tuổi. Trong tiếng trống của tôi có cả những tiếng khóc và những điều ân hận của tôi. Tôi đã mất mấy chục năm phiêu bạt, ăn chơi. Đời tôi đã mất cả vườn ruộng. Đã làm khổ vợ con vì những tiếng trống này đó. Tôi đã mất đi tất cả. Chỉ còn lại có vài tiếng trống...”

... Qua đi chừng vài năm, tôi đã học được nhiều điều mới thấy lời khen ông Trúc Hiền của tôi năm xưa là dốt nát. Đối với những tiếng trống nghệ sĩ đem lại cái đẹp cho cuộc đời, làm cho người ta trở nên trong sáng như buổi mới sinh ra của một lão nghệ nhân vào cỡ tài hoa bậc nhất Hà thành mà khen một câu như vậy là vụng về.

Với ông Chu Văn Du, tôi chấp tay vái ông. Ông cho biết Ông học đàn đáy từ năm 13 tuổi. Đàn đáy là cây đàn thiêng, cần dài 1m2, có dây gọi là ba dây tình tang đục. Ông thường theo cha vác đàn đi xin hát cửa đình, hát tế thần, hát giỗ tổ... Đến năm 16 tuổi, ông đã dám đến với các giáo phường Thú Khôi, Bát Tràng dự thi đánh đàn đáy với những bậc cao thủ. Giới cầm ca Thăng Long hết sức ngạc nhiên, ông đã chiếm ngay ngôi vương cầm, đáng được ghi vào bảng “Phong thần” nếu ông là một kép già. Một nhà hát ả đào nổi tiếng ở Khâm Thiên cứ người đi săn các danh cầm, đã 10 lần đến tận nhà ông để mời ông về đàn cho nhà hát. Thực tình, ông không muốn dừng gót phiêu lưu. Nhưng buổi ấy, ông đã gặp một con người phi phàm. Con người này, ở nhà hát đi ra tiếp ông. Đó là ả đào Đàm Mộng Hoàn. Một đào nương ca trù số một của Hà Nội mà lại hát được của những làn điệu tuồng, chèo, cải lương. Còn về ngâm thơ thì ông Du, nhà báo Phùng Bảo Thạch, nhà văn Vũ Trọng Can... bảo rằng chưa từng thấy ai ngâm thơ hay bằng Đàm Mộng Hoàn. Thế là, không chút do dự, ông ở lại nhà hát, đàn cho Đàm Mộng Hoàn hát và ngâm thơ. Ông đã mấy lần được mời cùng với các ông Ngô Thế Tuấn, Đinh Khắc Ban, Chu Thị Bốn, Chu Thị Năm, Đàm Mộng Hoàn sang Hồng Ông đàn, hát ca trù và ngâm thơ để thu vào đĩa cho mấy hàng Pa-thé, Asia, Colum-bia. Sau đó, riêng Đàm Mộng Hoàn và ông còn được liên tục trình bày nhiều bài hát, bài thơ để ghi vào những đĩa nhựa, bán

trong cả nước và cho nước ngoài (Hong Kông, Pháp, Thượng Hải). Trong làng cầm ca tính từ hơn 60 năm trở lại đây, chưa có giọng ca trù nào vượt được Đàm Mộng Hoàn. Chị đã làm “lên hương” được những điều chính trong ca trù như: Bắc phản, mướt, hát nói, gửi thư, ngâm vọng, nhịp ba, cung bậc, tỳ bà hành, đọc thơ, đọc phú, hát ru, hãm, kể chuyện, xầm nhà trò, 36 thứ giọng... cũng chưa hề có giọng ngâm thơ nào vượt được Hoàn. Hơn nữa, Đàm là nhan sắc của làng hoa khôi Khâm Thiên (người ta quen gọi như thế): Một sắc đẹp hơi lẳng lơ, gợi cảm... ông Du bảo: “Tiếng đàn của tôi chỉ thực sự là tiếng đàn khi tôi đánh cho riêng tôi nghe hoặc khi đệm cho Đàm Mộng Hoàn. Ngoài ra, là tiếng đàn để vụ sinh nhai...”

Ông Bùi Trọng Đang ngâm lên mấy câu sòng tả nỗi thất vọng của Lưu Bình khi vừa mới thi đỗ, về đến nhà thì không thấy bóng người đẹp:

Nàng bỏ đi đâu ? Lạnh ngắt phòng loan

Trông lên bức gấm... nhớ tới tay ngà

Cây kia ai xới... cho thắm giò hoa..

Giọng ông ấm áp, âm vực rộng, lúc bổng lúc trầm, như phun châu nhả ngọc. Ông Ban phôi đàn đáy, đàn nguyệt, đánh trống châu, hát chèo... Cả mấy môn đó, ông đều được xếp vào loại siêu việt. Nhà báo Phùng Bảo Thạch rất mê ông, biết ông từ cái dạo ông lên 13 tuổi, đeo cây đàn theo ông chú đi đến các đền làm cung văn. Một hôm, ông chú đang châu văn thì lẫn ra ốm. Không tìm được người thay thế, mọi người đành phải để chú bé 16 tuổi vừa đàn, vừa hát. Kết quả, ông hát và đàn còn hay hơn cả ông chú. Hát rất nổi “màu”. Mọi người rất đổi mừng rỡ, gọi ông là cung văn “Kim Đồng, Ngọc Nữ” của Mẫu.

Cho đến tận bây giờ, ông đã dạy trực tiếp và gián tiếp cho hàng ngàn học trò về đàn, trống, hát trong mấy chục năm. Trong số những học trò của ông, nhiều người đã trở thành những nghệ sĩ, những diễn viên tài ba. Họ có mặt trên khắp miền đất nước. Họ lấp lánh như những vì sao trên bầu trời ca nhạc truyền thống Việt Nam. Ông sống trong nghèo nàn, thanh bạch cả cuộc đời. Những năm còn lại, ông sống thanh

bắn với tiếng đàn tiếng trống và với những người ái mộ ông. Ông sống có phần ần dật, ít nói, tình cảm, chẳng mấy khi cười.

Các bạn đề nghị bà Quánh Thị Hồ trình bày cho nghe thêm một đoạn “Dòng phách”. Tiết tấu tiếng phách thật kì diệu Lối dòng phách của bà không giản đơn là cầm hai cái thanh tre, gõ lên một mảnh tre. Phải gõ làm sao cho một bên dẹt, một bên tròn. Một bên phát ra tiếng nặng, một bên tiếng nhẹ, một bên trong, một bên đục, một bên cao, một bên thấp, lúc khoan, lúc dồn. Hơn nữa, bà là người vừa dòng phách vừa hát.

Tiếng hát thanh tao là bà ngân lên, quyến với tiếng phách nao nao với tiếng đàn trầm ấm, ngọt ngào. Trong khi đó, những tiếng trống châu hùnh biện đệm vào. Chúng tán thưởng, khen ngợi và ra tuyên ngôn:

“Kẻ này đã gặp tri kỷ. Kẻ này yêu tiếng hát và tiếng phách của đào nương lắm lắm”!. Đúng như trong quan họ bảo: “Ta yêu người lắm lắm người ơi!”...

Chỉ có 3-4 người ngồi trên một chiếc chiếu hoa, cùng với mấy nhạc cụ: phách, trống, đàn... đã làm cho những người Phải nghe say mê: say thơ, say nhạc, say tiếng hát, say tình bạn, say đời ...

Nghệ thuật ca trù của ta có sức sống trường tồn. Không chỉ riêng Việt Nam ta yêu thích mà nó còn làm cho nhiều nhà nghiên cứu “âm nhạc trên thế giới say mê đến nỗi đứng ngồi không yên.

VẼ MẶT TÀO THÁO

Nghệ thuật hoá trang là một phần không thể thiếu, được của điện ảnh và sân khấu. Cứ thử hình dung mà xem, 25 tập phim Tây Du Ký làm say mê hàng triệu khán giả màn ảnh nhỏ mà không có hoá trang thì Điện ảnh Việt Nam cũng đã nhiều lần giới thiệu với các bạn những thành công của nghệ thuật hoá trang trong phim truyện. Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu với các bạn cách vẽ mặt Tào Tháo, nhân vật nổi tiếng trong bộ tiểu thuyết trường thiên Tam Quốc Diễn Nghĩa của Trung Quốc. Nhân vật này cũng đã từng nhiều lần từ văn học bước lên sân diễn sân khấu và điện ảnh...

Kép hát tuồng nổi tiếng suốt vùng Bưởi và Hà Nội những năm 1935-1946 là Kép Thuyên. Ông là nghệ sĩ tuồng toàn diện, được các cụ trong nghề khen là “toàn thân giai nghệ”, nghĩa là nghệ thuật đầy mình. Các đoàn tuồng phải mời ông đến diễn mới mong bán được nhiều vé, nhất là vai Tào Tháo lại càng cần đến ông.

Tôi vốn là người yêu thích tuồng từ thuở bé và thường được ở trong buồng trò những khi Kép Thuyên sắm vai. Tôi say mê các động tác diễn xuất, hát và nhạc.

Nhưng tôi say mê hơn cả là nghệ thuật vẽ mặt các nhân vật tuồng. Cho đến bây giờ, sau nhiều nam được trang bị một số kiến thức về hội hoạ, tôi lại càng say mê nghệ thuật này, nhất là nghệ thuật vẽ mặt Tào Tháo của Kép Thuyên. Tôi cho rằng nửa thế kỷ nay, chỉ có hai người đóng thành công vai Tào Tháo là Kép Thuyên và nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Quang Tồn. Những người vẽ mặt Tào Tháo một cách nghệ thuật cũng chỉ có Kép Thuyên rồi đến ông Tồn. Cái khéo của việc vẽ mặt không chỉ là vẽ đẹp nét mặt về phương diện tạo hình mà phải vẽ sao cho lột tả được tính cách của nhân vật Tào Tháo. Người ta gọi là mặt trắng Tào Tháo. Thật là khó khi bộ mặt nhân vật tuồng không có nét đỏ, nét

đen, không có dần di, lốm đốm. Mặt Quan Công đỏ, mặt Bao Công đen, mặt Trương Phi rần rì v.v... đều dễ vẽ.

Mặt Tào Tháo rất khó vẽ, lại là cái màu trắng độc đáo. Nó không phải là cái trắng nhẽ nhạt của các cô gái trong phòng the, không phải là cái trắng kiểu bạch diện thư sinh; không phải là cái trắng tang tóc mà phải là màu trắng của bụng con cá. Thường thường, màu trắng tượng trưng cho sự trong sạch, cao đẹp, nhưng ngoài cái màu trắng ở bụng con cá lạ lùng này, không một màu sắc nào lột tả được cái thần của Tào Tháo. Trong văn học, Tào Tháo được miêu tả: hùng tài đại lược túc trí, đa mưu, văn võ kiêm toàn, vũ phi phạm, anh hùng đủ mặt, đa nghi, ghen ty, khẩu phật tâm tà, gian trá, hung ác, ích kỷ hại người, gian ngoan cùng cực v. v...

Một nhân vật như vậy thì phải dùng màu gì để vẽ mặt cho thật khớp với cái chất của con người ông ta thật là khó. Bất kỳ màu sắc nào vẽ lên mặt ông ta đều mờ nhạt và vô duyên không tài nào lột tả được cái , “thần” của ông. Cái khoan dung hơn người cũng trù lên cái lòng ghen ty vô kể, cái khí khái khác thường che đậy cái lòng riêng quá quắt. Cái mưu lược thiên tài đi liền với cái gian tà khôn xiết tả. Cái chí khí đại bàng lại chứa đựng chút nhỏ nhen, khôn ngoan xảo hoạt, thịnh tình và giả dối, khảng khái và hèn mạt, hào hoa và cay độc... Tất cả những thứ trái ngược với nhau đều khó có ranh giới rõ rệt trong con người, Tào Tháo. Tất cả quyện lại rất hài hoà trong một thể thống nhất. Màu sắc của tính cách Tào Tháo phức tạp nhiều màu vẽ khôn lường. Do vậy, chỉ có bộ mặt trắng mới có thể bao quát được. Màu trắng là không màu mà cũng là tất cả mọi màu cộng lại. Vẽ mặt Tào Tháo vì thế phải dùng đến màu trắng của bụng con cá. Cụ thể đó là nét độc đáo trong nghệ thuật hoá trang mà nhiều người chưa biết.

CA TRÙ DÒNG NHẠC DÂN CA HÀ NỘI

Nguyên lý của ca, nhạc cổ kim là nhằm khai thác những nhân tố tương phản về âm sắc, âm chất để đi tới sự hài hoà qua những phức điệu đan kết lại với nhau. Ca nhạc ca trù phù hợp với nguyên lý đó. Tiếng đàn đáy vừa cứng vừa mềm, đục, khàn (giọng khàn là giọng được giải phóng). Cây đàn đáy dài 1m2, có ba dây chùng. âm thanh của nó phát ra là sự chất lọc của đàn nguyệt, đàn tứ, đàn thập lục, đàn tỳ bà hợp lại. Một mình chiếc đàn đáy thay thế được cho nhiều nhạc cụ. Thùng đàn không có mặt hậu. Tiếng phách khô giòn, tung tăng, ấm, nặng tình. Tiếng hát của đào nương dẻo, mềm, mượt... Tiếng trống châu thảng thốt, băng khuâng, xa vời... Tất cả quyện lại với nhau tạo nên cái thao thức ngàn năm mà người Trung Quốc gọi là “Thiên cổ chi mê”? Giản đơn hơn gọi là sự hấp dẫn lớn. - Ba loại nhạc cụ: Phách, đàn đáy và trống châu là những nhạc cụ 100% Việt Nam.

Năm 1980, chuyên gia văn hoá của tổ chức A.C.C.T là ông Zakpa đã phát biểu sau khi dự một buổi ca trù Văn Miếu: “Buổi biểu diễn ca trù đã cho tôi hưởng một loạt những: nước mắt, tình cảm, dữ dội, tình yêu, sự vượt ve âu yếm và tâm linh..

Ca trù có đủ các thể loại: trữ tình, lãng mạn, sử thi anh hùng ca, giáo huấn... Các bài hát ca trù giàu chất thơ, ca. Chúng thoáng có nét thơ Đường, tranh thuỷ lục, lại thấm chất dân gian, nhiều nhạc tính và kịch tính. Ca trù có chút buồn. Nhưng chất buồn này không phải là cái buồn bình thường mà là cái buồn to lớn: trầm ngâm, sâu lắng, suy nghĩ, cảm xúc nó làm cho những công việc bề bộn của trái tim được hài hoà. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát đã bỏ ra nhiều năm tháng để nghiên cứu và học ca trù. Năm 1940, ông viết trên báo Ngày Nay. “Đứng về phương diện hoà âm mà xét, lối hát ả đào là không thể chỉ trích vào đâu được. Ta chỉ nên lắng tai mà nghe sự hợp nhất, đối chiếu, thăng bằng hoàn

toàn của mấy loại nhạc khí góp vào với lời ca. Năm 1944, ông lại viết trên báo Thanh Nghị: Chúng ta có thể tự hào rằng, không một tiếng hát nào trên thế giới có thể đẹp như tiếng hát của đào nương ca trù! ông lại thêm : “Đào nương là con chim hoạ mi của thơ ca Việt Nam” Suốt cả chặng đường gần 1000 năm trở lại đây, người Hà Nội không bao giờ sao lãng nghệ thuật ca trù kể từ khi dòng nhạc này còn là hát ở cửa đình, hát ở thành thị rồi vào kinh đô. Và rồi nó lại từ kinh đô mà trở về với thành thị, với các xóm làng. Nó không ngừng được cải tiến, hoàn thiện cả về hình thức lẫn nội dung để trở nên lối hát ca trù ngày nay. Nó được lan toả đi mọi nơi và cũng đi nhiều nước trên thế giới. Ở đây, thanh và sắc của nó cũng được nâng niu, kính nể. Từ những năm 1980 - 1940, ở Hà Nội luôn tổ chức những cuộc thi hát ca trù và đánh đàn đáy với sự tham gia của nhiều đào kép quái kiệt, hạng nhất ở Hà Nội và từ các tỉnh Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Sơn Tây, Thanh Hoá, Hà T nh v.v... Các cuộc thi được tổ chức long trọng tại đền giáo, phường Lỗ Khê, Đền Hàng Quạt, đền Phố Huế, đền Ngọc Hà, Hàng Giấy, Thủ Khôi, Gia Lâm, Bát Tràng... Người đoạt giải nhất được phong làm thủ khoa. Người đoạt giải nhì được gọi là á khôi. Phải là người được giải trong các cuộc thi này ở Hà Nội mới là tuyệt mỹ, là đáng mặt. Họ bảo nhau: “Phi Hà thành bất xứng cầm ca”. Có một lần, cụ thân sinh ra bà Quách Thị Hồ là người Kinh Bắc, có tài ca nhất Kinh Bắc, lại có nhan sắc lộng lẫy, đã chắc hẳn được thủ khoa. Nhưng không may, bà chỉ được á khôi, bà ăn năn mãi và quyết tâm rèn luyện cho con gái cố đoạt danh hiệu thủ khoa thay bà. Đó là cả một sự ân hận truyền kiếp.

Từ những năm 1930, thành phần nhóm trình diễn ca trù luôn được các nhà nho, nhà thơ, học giả cùng với các tài năng dân gian hoàn thiện để nhóm được rút thật gọn nhẹ đến nỗi không phải thêm một thành viên nào mà cũng không thể rút đi được một thành viên nào.

Những năm 1930 - 1935, các danh ca Đàm Mộng Hoàn, Quách Thị Hồ, Nguyễn Thị Phúc, Chu Thị Bốn, Chu Thị Năm và các danh cầm Đinh Khắc Ban, Ngô Thế Tuất, Phí Văn Thọ.. thường đến Hồng Ông để ghi những đĩa hát về ca trù. Danh cầm Phí Văn Thọ là thầy dạy của Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát.

Tính đến năm 1942, ở Hà Nội có nhiều xóm ca trù nổi tiếng, như các xóm Hàng Giấy, Hai mươi bốn quan, Vạn Thái, Khâm Thiên, Thái Hà ấp, Ngã Tư Sở, Phụng, v.v... Xa một chút có các xóm Gia Lâm, Thủ Khôi, Bát Tràng, Bắc Ninh, Quốc Oai, Từ Liêm... Năm 1977, ở Hà Nội có nhóm câu lạc bộ ca trù ở đền Bích Câu Chủ tịch câu lạc bộ là người Lỗ Khê. Nhiều khách nước ngoài cũng đến tham gia câu lạc bộ.

Năm 1979, tại Liên hoan nghệ thuật các dân tộc á Phi tổ chức tại Ran, bà Quách Thị Hồ đã được bằng danh dự với bài ca trù: “Xuân rồng chấp cánh rồng bay”? Lời bài hát của Chu Hà.

Năm 1983, tại Mông Cổ, trong cuộc thi nghệ thuật của 29 nước, bà Quách Thị Hồ lại đoạt bằng danh dự và đặc biệt về “bài ca trù “Tỳ Bà Hành,” Một thành viên trong ban giám khảo quốc tế đã bình: “Tiếng phách của bà Hồ là một tiến hành khúc của tâm hồn”. Nhạc sĩ Trần Văn Khê rất say mê ca trù, ông đi khắp thế giới. Đến đâu, ông cũng giới thiệu ca trù. Hồi tôi gặp ông ở Pa ri, ông nhờ tôi nhắn lại với các bạn trẻ: “,Giờ đây, chúng ta không được nghi ngờ về giá trị cao siêu của ca trù”...

Ở làng Lỗ Khê, còn có đền giáo, phường ca trù. Nơi đây thờ tổ sư ca công và tổ giáo phường. Trong đền còn giữ lại được các bản ghi chép về sự tích các vị thần do Nguyễn Bính là tiến sĩ đời Lê Hồng Phúc soạn. Trong đền còn bức hoành phi, bức cửa võng chạm trổ tinh vi, có khảm thờ hai pho tượng gỗ sơn son thếp vàng ngồi uy nghi. Đó là tượng ông Đinh Dự và bà Đường Hoa là tổ sư nghề đàn, phách, ca, múa và lập giáo phường. Nay ở Lỗ Khê còn hơn một chục “họ” ca trù. Các ca nương và các danh cầm của Lỗ Khê vẫn đi khắp nơi trình diễn. Cũng như xưa, họ đều có mặt trong các cung đình vua chúa. Nơi đây còn nhiều gia đình giữ được nhiều bộ phách và nhiều cây đàn đáy gia truyền. Họ thường tổ chức hát ca trù trong ngày lễ tổ sư, trong các dịp lễ, Tết của hai mùa xuân thu. Khách ở các nơi đến thăm họ trong những ngày này rất đông như thể người ta rủ nhau về thăm làng quan họ vậy.

Ở Từ Liêm cũng còn đền thờ tổ ca trù. Ở phố Hàng Trống có đền thờ một đào nương từ đời Lê. Nàng tên là Huệ. Ở ngay gần chợ Hôm cũng còn đền thờ tổ sư giáo phường ca trù.

Chúng ta đều biết, dòng nhạc ca trù của Hà Nội đã có rất nhiều đệ tử. Trong đó có những vị lừng lẫy như: Chu Mạnh Trinh, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Tản Đà, Hoàng Tích Chu, Xuân Thuỷ, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Xuân Khoát, Phùng Bảo Thạch, Nguyễn Khắc Viện, Ngô Linh Ngọc, Hồ Tùng Mậu, Trần Huy Liệu, Trần Huyền Trân, Hồ Duyéch, Lê Hồng Phong, Tôn Quang Phiệt, Trần Văn Khê, Văn Cao, Nguyễn Tuân v.v... và v.v... Họ là những nhà nho, nhà trí thức, nhà văn hóa. Họ yêu mến ca trù và sáng tác ra những bài hát cho đào nương. Mấy thập kỷ nay, đã có một số nhạc sĩ vớt được một chút hương hoa ca trù và kết nạp họ vào làng ca trù. Họ là: Nguyễn Cường, phó Đức Phương, Văn Thành Nho, Huy Thục, Đoàn Bổng, Nguyễn Ngọc Ninh. v.v... Người xưa đã cho họ ăn “lộc”.

Ca trù là dòng nhạc truyền thống, dân gian được nâng lên mức bác học của Hà Nội. Nó cũng như dân ca quan họ của Kinh Bắc, ví dặm của Nghệ Tĩnh, ca Huế của Huế, ca tài tử của Nam Bộ v.v... Ca trù là của Hà Nội.

GIỌNG HÁT XẨM BÂNG KHUÂNG...

Xẩm là loại hình hát nói dân gian ở Việt Nam do những người mù tài năng, có nhiều tâm tư, mang tiếng đàn, giọng hát góp vào với cuộc đời. Đó cũng là cách kiếm ăn duy nhất của họ. Người hát xẩm thường vừa hát vừa đàn (đàn bầu ống bơ). Cũng có khi anh ta kéo nhị, kéo hồ hoặc sử dụng nhiều loại nhạc cụ. Bạn hoặc vợ xẩm đánh trống một mặt và đánh cặp kè. Các bài hát xẩm thường mang tính chất tự sự, kể về những nội dung phản ánh hiện thực xã hội. Có bài lên án những hiện tượng không hay. Có bài lên án, phê phán, than vãn, khuyên răn...

Theo lời văn, giai điệu được biến hoá trên những âm hình, tiết tấu chủ đạo từng đoạn hoặc kéo dài, sâu lắng, lúc sôi nổi, rộn ràng, lúc buồn thảm. Thỉnh thoảng lại có những đoạn “Lưu không”: Xẩm không hát mà chăm chú, say sưa biểu diễn nhạc cụ. Anh dồn cả tâm lực, trở hết tài hoa rồi tạo đà để hát đoạn sau. Đến những đoạn trữ tình, huê tình, bi hùng... anh xẩm rợn mình, ngẩng cao đầu. Đôi mắt không nhìn thấy gì cứ hướng vào xa vắng mênh mông. Tay gảy đàn hoặc kéo nhị nhún nhá, vuốt ve và ca lên nùng nân, sôi nổi, đầy kịch tính. Những lúc này là những giờ phút xuất thần của xẩm, gây được một sự vương vấn lâu dài trong lòng người nghe. Do vậy, những người thưởng thức thi nhau vút tiền vào chiếc chậu thau bẹp để thưởng cho xẩm.

Các làn điệu của xẩm thường toát lên tính cách tiêu biểu của tâm hồn Việt Nam: Quý trọng nghĩa tình, chung thủy, yêu lẽ phải và đạo đức, lạc quan, tin tưởng vào tương lai. Mặc dù, xẩm luôn luôn ở vào một cuộc sống đầy vất vả, gieo neo. Những bài hát của xẩm dễ hiểu, dễ thuộc, thuộc rồi càng muốn nghe. Cái hay của xẩm là “đàn ngọt, hát chín”, lột được tình cảm, có kèm cử chỉ, dáng điệu sống động, giàu chất biểu diễn. Có những đêm khuya thanh vắng, xẩm ca, kể chuyện chồng con đã làm cho nhiều người chảy nước mắt. Để nhớ đến chiến công của

các chiến sĩ trong Trung đoàn Thủ đô ngày nào đã vượt sông, anh dũng chiến đấu để rồi trở về giải phóng Thủ đô, anh xắm thay mặt một người dân, hét lên khúc tráng ca:

Khăn gói trên vai, kẻ giang hồ chậm bước

Nghe hát bài: “Anh khoá băng khuâng”

Hồn nước mang theo gót vạt trùng

Người đi, không mấy người trở lại...

Non nước ta, ngày nay tung bừng vĩ đại.

Ơn người một buổi... đã qua sông...

Bài xẩm “Thập ân” là một làn điệu trong những làn điệu chính của xẩm. Nó ngang thương với những làn điệu đặc trưng của xẩm như: xẩm chợ, xẩm xoan, chèo bong, riềm huê, phần huê, hát ai... Nó mang một sắc thái riêng. Nó dân dã, được quần chúng nhân dân bao giờ cũng tán thưởng một cách say sưa, xúc động. Bao giờ nó cũng cộng hưởng với tâm tư, tình cảm của con người ở nhiều cung bậc. Nó nói về tình mẹ con muôn đời. Người ta đón nghe “Thập ân” rồi mở rộng chân trời suy ngẫm. Nó buồn rầu, thực cảm, hùng hồn, kêu gọi, hao hao cái chất “oán thập điều” trong chèo. Nó lại có họ hàng với nhạc và Phật, kể lại công lao của cha mẹ. Nhưng nhất là mẹ đối với đứa con từ lúc đứa con ra đời cho đến khi được nuôi dạy lớn khôn. Đứa con là trái tim, là linh hồn, mà cũng là giấc mơ của mẹ. Bài hát cũng nhắc nhở một cách khéo léo đến nhiệm vụ làm con đối với công lao trời biển của mẹ.

Lại còn có ý nghĩa nữa gài vào là đối với người con xứng đáng thì mẹ đẻ cũng là quê hương, là đất nước. Có thể lầm lạc đối với cha mẹ sẽ dẫn đến lâm lạc với quê hương. Con người hãy coi chừng!

Mẹ đẻ và mẹ Tổ quốc bao giờ cũng thương yêu và rộng lượng với những đứa con. Chính vì những ý này gắn bó với nhiều ẩn ý sâu xa làm cho bài hát xẩm “Thập ân” đã có từ rất lâu đời mà vẫn còn tươi mãi đẹp đẽ và ám áp đến tận bây giờ và mai sau.

Khi chuyển từ đoạn này sang đoạn khác, xẩm tài năng dùng thủ thuật hát và nhạc lúc tươi màu, oán màu, lúc lại thắm màu... Số lời hát của xẩm thường theo lời sáu, tám, có sân si đôi chút. Xẩm hay đưa bốn chữ của câu sau lên đầu để nhấn mạnh và phát triển:

Mẹ mới có thai

Kể từ mẹ mới có thai

âm dương, trai gái, trúc mai đều... (là) tình.

Những nhóm xẩm phiêu lưu, xê dịch hết nơi này đến nơi khác. Họ sống rất kham khổ mà yêu đời, mang tiếng đàn, câu hát đi lang thang nhân thế, nhận tiền thưởng và sự cứu mang của người đời. Xẩm thường hoạt động ở những nơi có đông người tụ họp, bên cạnh một cái quán hàng, mái chợ, bến tàu, bến xe, bến đò, ven sông hoặc những nơi có hội hè, đình đám... Có khi, vài nhóm xẩm họp lại với nhau. Trường hợp này xẩm có thêm nghệ sĩ, thêm nhạc cụ: tiêu, sáo, thanh la, hồ v.v... Có khi thêm cả đàn thập lục. Họ diễn tả hẳn cả một tích chuyện lớn và tập trung vào nhiều đoạn lâm ly, làm xúc động lòng người. Có khi họ hát thâu đêm suốt sáng.

Hát xẩm là một loại hình nghệ thuật dân gian, phản ánh được hơi thở của cộng đồng lao động, những biến cố lịch sử bi hùng, tâm tư nguyện vọng của quần chúng. Nó góp phần đưa thêm vào nền văn hoá dân gian Việt Nam một chút hương sắc của hoa ngâu, hoa mộc.

CHUYỆN VỀ NHẠC HIẾU XƯA

Xưa kia (và cả bây giờ), những đám tang thường mời phường hiếu đến giúp đỡ. Phường hiếu còn gọi là phường kèn hát, phường bát âm. Mọi người rất coi trọng điều này, bảo: “Sống dầu đèn, chết kèn trống”. Nhà nghèo thì mời phường nhỏ, chỉ có kèn, nhị và trống cơm. Phường bát âm gồm đủ tám nhạc cụ: hồ, nhị, hồ gáo, sáo, đàn tứ, trống cơm, tiu canh, kèn; kèn lại có kèn đại, kèn pha. Mỗi nhạc công điều khiển một nhạc cụ. Có người điều khiển 2,3 nhạc cụ. Người chỉ huy tối cao là ông trùm phường, ông trùm phường đảm nhiệm kèn. Vì kèn giữ vị trí “soái âm”. Nhạc hiếu truyền thống của ta có 10 làn điệu chính là: Lâm khốc, Nam Ai, Nam Xuân, Nam Thương, Ngũ Đối, Lưu Thủy, Con nọan lạc đàn, Điệu Quân, Xuân Nữ, Mã đáo vô nhân. Nhưng mỗi làn điệu lại có nhiều biến tấu và những đoạn đệm, đoạn chuyển màu của nó. Do vậy mà trở nên có rất nhiều làn điệu vô cùng phong phú, mang sắc thái truyền thống sâu sắc và có giá trị cao. Chính những nét nhạc Xuân Nữ đã gợi ý để chúng ta có được những “Lỡ bước sang ngang” của nhà thơ Nguyễn Bính, những “Cô gái Việt Nam” của Hồ Duyech. Những năm 1975 - 1980, người viết những dòng này đã đưa những nhà nghiên cứu âm nhạc của Hunggari, Bulgarie, Nga, Pháp đến thăm một vài phường ở Bưởi, Sài Sơn Hà Bắc. Họ đều đánh giá rất cao nhạc hiếu Việt Nam. Họ rất cảm động khi được tiếp xúc với những ông trùm phường như ông Kha, ông Sinh, ông Côn. Họ đã vái các ông.

Làn điệu Lâm Khốc còn gọi là Lâm Khốc, Lầm là từ cổ, có nghĩa là cũng khóc. Điệu Nam Ai buồn, bi thống. Nam Xuân đỡ buồn hơn. Ngũ Đối và Lưu Thủy nhẹ nhàng, lẩn tẩn, vô vập. Con nọan lạc đàn miêu tả sự cô đơn, tan tác. Điệu Quân tả cái chết bi hùng của một tướng quân chết trận. Xuân Nữ buồn cho tuổi xuân của một thiếu nữ. Nó nhắc đến những giấc mộng ban đầu rất xa. làn điệu này rất hay và rất đẹp. Mã

đáo vô nhân mô tả sự bi thương, hùng tráng khi con ngựa chiến trở về mà trên mình nó không có người...

Xưa kia, ở nhiều nơi có những phường hiếu do một số người tập hợp lại. Họ mời thầy về, luyện tập với nhau trong những lúc nhàn rỗi. Mỗi phường thường có một, hai chàng trẻ học nghề. Họ phải hầu hạ rượu, thuốc, nước cho những người được gọi là quan viên của phường. Nhạc cụ do phường tự mua sắm. Nhà có đám đến mời phường. Một nhóm người đi theo nhà đám, gọi là đi nhận đám.

Người chết nằm xuống được liệm đặt vào áo quan. Cả gia đình, các con, cháu, họ hàng túc trực sẵn quanh áo quan. Lúc này, phường kèn cử lên đoạn Lâm Khốc với sự hoà tấu náo nhiệt của tất cả các nhạc cụ. Nhưng tiếng kèn vẫn là chủ đạo. Chính vào lúc này, nhà đám tiến hành phát tang... Tiếp theo, phường kèn tấu những điệu Nam Ai, Nam Xuân, Lưu Thủy, Ngũ Đối v.v...

Phường kèn ngồi tập trung vào một hai chiếc chiếu bên cạnh bàn thờ. Phía trong bàn thờ là áo quan người chết. Khi có đoàn nào hoặc người nào đến phúng viếng, ban nhạc gõ mấy tiếng trống báo tin khách đến rồi cả ban nhạc cứ những làn điệu: Con nọan lạc đàn, Điếu quân, Mã đáo vô nhân hoặc Xuân Nũ sao cho phù hợp phần nào với thân phận và sự nghiệp lớn hay nhỏ của người chết.

Trên đường đưa linh cữu người chết ra mộ, đám ma phải qua cái cổng làng. Lúc này linh cữu phải khiêng hạ xuống thấp, và ban nhạc cử bài “con nọan lạc đàn” để người chết có lời cáo biệt. Ra đến mặt trước cổng làng, linh cữu phải quay lại 180o để mặt người chết được nhìn cái cổng làng lần cuối. Lúc này, ban nhạc rúc lên bài Điếu Quân hoặc Mã đáo vô nhân. Tiếng kèn nổi lên rất hùng tráng, bi thương mà cũng tiêu dao, sương khói. Sau đó, trên đường ra đồng, ban nhạc cử những nét nhạc bông bênh, thanh thản không buồn lắm mà tung tăng, hao hao cái vị “Đường trường tiễn đưa” của chèo.. Lúc hạ huyệt, phường kèn biểu diễn hầu hết cả mấy làn điệu chính có biến tấu và xen kẽ vào nhau. Lúc thật buồn, lúc lại nhẹ nhàng như gió thoảng, mây bay với những Kim Tiền, Lưu Thủy...

Đến chiều tối, nhà đám cúng vong, khách đến phúng viếng đã vãn, phương kèn dạo đi, dạo lại một số lần điệu để chuẩn bị cáo từ nhà đám. Nhưng, lúc này lại là lúc sôi nổi. Một số người thân thích của người chết mượn một người trong phường có giọng hay, khóc hộ mình. Những tiếng khóc đó được cả phường đệm nhạc, nghe thật thấm thía, não ruột. Nhưng lại là tiếng lòng.

Cô em gái người chết làm ăn ở nơi xa, lặn lội về chịu tang người anh. Cô ta nhờ bác trong phường khóc hộ mình, bác Giáp của phường kể lể trong tiếng nhạc:

“Em có ngờ đâu, em định bụng về thăm làng... lại được tin nhắn. .. anh lạc đường mệnh chung... tưởng đâu nhớ họ hàng... Lại thành ra chuyện... em về chịu tang...”. Tiếng nhị ngân ngơ vuốt theo: “Cò cò... cư... cư ư” Người nhờ khóc hộ biểu phường một số tiền nhỏ, đặt vào chiếc đĩa giữa chiếu. Việc làm này gọi là “Thưởng”.

Rồi cứ thế, tiếp tục với những đoạn khóc hộ như:

Cha ơi! các anh các chị vuông tròn

Đời con rách nát, mỗi mòn cha không hay

Hoặc:

Bây giờ hồn thác không còn

Thì thím trông cậy vào ai bây giờ... ?

Lại như:

Cây rầu rầu, cỏ rầu rầu

Chú đi đề nhớ, đề sầu cho ai?

Hoặc:

Ai làm cho phấn xa hương

Cho duyên lìa phấn, cho tôi mất chồng v.v...

Trời đã về khuya, phường kèn rúc lên hồi kèn “Tế vong” rồi xin ra về. Nhà đám đưa chân phường ra ngoài ngõ, biểu phường một số tiền lót

tay, nói lời cảm ơn, biếu phở 1 chân giò, một đĩa xôi và một nải chuối. Tất cả những thứ này được cậu bé đi theo học nghề cho vào tay nải.

Đến đây, tôi phải kể về một ông trùm phở kèn. Tên ông là Kha, là con người phiêu bạt, đi theo phở kèn của cha từ năm còn 8 tuổi. Đến năm 20 tuổi, ông đã là một cây kèn nổi tiếng. Ông có mặt trong hầu hết các đám tang của cả vùng Bưởi, vùng Từ Liêm. Ông là người rất hiểu đời, thông cảm với những cảnh đời khác nhau và rất lịch lãm. Sau đó ít lâu, người các tỉnh khác phải mời ông về, dạy cho một vài miếng độc về nhạc hiếu. Gọi là những “miếng” để đời. Tiếng kèn của ông đã trở nên vô địch. Đám nào mời được ông đến là một điều vinh hạnh. Lúc này, người ta gọi ông là ông chân Kha. Tại sao vậy? Tại ông có 9 vợ, ông đi đến đâu cũng có người xin tình nguyện làm vợ ông. Ông mỉm cười: “Thì... duyên phận phải chiều ông đến thời kèn ở làng nào thì ở lại với bà vợ ở làng đó vài ngày. Sau đó, lại phiêu lưu đến làng khác. Cứ thế... đến lúc ông chừng 60 tuổi, ông thường sai các học trò của ông đi nhận đám. Còn ông, ông ở nhà để dạy những người đến xin học kèn ở mức độ cao. Những năm 1957 - 1960, tôi được biết một số nhạc công trong mấy đoàn nghệ thuật và ca nhạc Trung ương cũng như địa phương đến học ông. Đến năm 1994, ông đã 80 tuổi. Nhưng ông còn tinh táo và nhanh nhẹn. Hồi đó) bà dì tôi mất. Bà là người đàn bà khổ, tận tình giúp đỡ tất cả mọi người trong họ và coi đó là hạnh phúc của mình. Bà không có chồng. Tôi có đặc ân mời được chính ông dẫn phở đến “thối” cho đám ma của dì tôi. Suốt hai đêm liền, phở bát âm có tiếng kèn của ông chín Kha đã làm cho cả khu xóm Ao Ngang của chúng tôi không một ai ngủ cả. Họ thích nghe tiếng kèn của ông chín Kha... Giờ đây, ông đã là người thiên cổ. Ông để lại cho cuộc đời 11 người con và cháu là những nhạc công tài hoa và nổi tiếng. Còn học trò của ông thì đếm không xuể.

Thiết nghĩ, nhạc hiếu của ta cũng là một mảng quan trọng trong kho tàng âm nhạc Việt Nam. Chúng tôi đã từng nghe và để ý đến những nhạc đám, những musique, funébre, những funeraillles của phương Tây và nhạc hiếu của Trung Quốc. Thiết nghĩ, giới âm nhạc của nước ta cần phải chú ý hơn nữa đến mảng nhạc hiếu. Nó cũng rất xứng đáng nếu không muốn nói nó có thể làm lung lay giới âm nhạc quốc tế...

CHÀU Ỏ ĐÀO CUỐI NĂM

Đó là chuyện của Hà Nội những năm trước kia. Sau ngày tiễn ông Táo lên châu giời, nhiều nhà hát ở phố Khâm Thiên rộn ràng, nhộn nhịp hẳn lên. Các nhà hát được gọi theo tiếng lóng là: Nhà sang, nhà phố, nhà phường. Loại “Nhà sang” là mấy nhà hát sang trọng nhất, khách là những người có “phương diện”, các quan chức sắc, quan tham, quan phán, nhà báo, kẻ sỹ, kẻ giang hồ cao cấp hoặc lũ thứ, khách có chữ nghĩa nhiều. Khách của “nhà phố” là khách hang trung lưu. Còn “nhà phường” là nhà hát bình dân gọi là khách tứ xứ, thập thành. Ở những nhà hát loại sang, các nàng ai nấy đều ăn diện sang hơn hẳn mọi ngày. Những kiểu quần áo mới được đưa ra. Trang điểm cũng rất kỹ. Có cả những cô em thuộc lớp “ca-valie” đăng xinh (gái nhảy đầm) về giúp thêm việc trang điểm. Các nàng đón các ông anh, các bạn ra vào rầm rập suốt ngày để hát một châu tất niên. Bằng nhiều hình thức khác nhau. Các vị khách đã tặng cho các cô em mà mình “say” hoặc có cảm tình những tặng vật đắt tiền hoặc một số tiền đủ để các em “chu toàn” cho cả mùa xuân. ở góc này, người ta hát:

Ai cầu phong, mà gió tự đâu sang

Hay mãi khách văn chương tìm kết bạn...

Tom tom tom - chát ...

Ở một góc khác, một khách một nàng ngồi bên nhau trên ghế ngựa. Chàng là thi sĩ, nắm lấy tay nàng, nhìn nàng đắm đuối và ngâm lên:

Ôi mắt xa xôi, mắt ly kỳ

Ta trông thấy cả trời ta mơ ước

Thấy bóng cả vầng đông thuở trước

Cả con đường sao sáng lúc ta đi

Cả đường mây bao phủ lối ta về...

Người ta hát ở trên gác mấy câu trong bài “Tống biệt” sao mà buồn thế:

Lá đào rắc lối Thiên Thai

Suối tiễn oanh đưa luống ngậm ngùi

Nửa năm tiên cảnh

Một phút trần ai

Đá mòn rêu nhạt

Cửa động

Đầu non

Đường lối cũ...

Ngàn năm ngơ ngân bóng trăng chơi!

Cô gái ngồi với chàng thi sĩ là một người đẹp đã lên bìa của mấy số báo Tết ở Hà Nội. Có tiếng người khóc với nhau. Mọi người kháo nhau về việc ông tham Trác đưa cho nhà hát một số tiền lớn để chuộc đào Uyên về làm vợ. Nghe đâu ông ta đã tậu hẳn một ngôi nhà cho cô. Vài cô đào chuẩn bị về quê, khách yêu các cô theo kiểu yêu lắm, yêu vừa hoặc yêu lang thang của họ cũng nhắn điều chào gửi tới những người thân ở làng quê và gửi cho họ chút quà.

Bữa hát tất niên gồm tất cả chừng 6,7 vị khách thân quen hay lui tới nhà hát nhất gọi là khách Mạnh Thường Quân và tất cả các cô em cùng dự chung. Trước hết, bằng một bữa ăn thật sang mà các cô đều trở hết tài ba ra để tổ chức bữa tiệc, cô Tuyên chuyên môn làm món yến, cô Lan món long tu, cô Đào món vây cá.

Đó là những món chính. Còn vài món phụ do các cô em khác phụ trách. Nghệ thuật làm các món ăn của họ thật tuyệt vời, kiểu cách, cầu kỳ, đúng vị. Họ nấu ngon vào bậc nhất Hà Nội, chẳng kém đầu bếp của những nhà hàng nổi tiếng như Đông Hưng Viên, Mỹ Kinh. Những món ăn thật ngon miệng và bày biện thật ngon mắt được bày đầy bàn. Tuy

vậy, mọi người đều chỉ ném tí chút, nghĩa là ăn chơi bời. Họ chú ý nhiều đến việc tâm sự với nhau, nhìn nhau và hay nhau. Các món tráng miệng cũng đặc biệt. Họ bỏ cam tách múi cũng nghệ thuật. Cách mời ăn cũng lịch sự, trân trọng, yêu quý và thân tình. Một vài ông bạn tôi cho rằng các tiếp viên và các đầu bếp nữ ở các khách sạn ngày nay còn thua xa chị em Khâm Thiên ngày xưa.

Sau bữa tiệc, ăn tráng miệng, rồi uống trà ướp hương nhài xong vào châu hát tất niên.. Châu hát này rất đặc biệt, hai ba cô em vào loại có thể làm cho ai khó tính nhất cũng phải “nhào” và người đứng dẫn nhất cũng phải lạc đường, cỡ như Đàm Mộng Hoàn trước đây và cụ Quách Thị Hồ bây giờ, thay nhau lên hát vài khổ tâm đắc nhất. Kép đàn phải đủ ngón, vừa bay bổng, vừa hào hoa. Người cầm châu là người được phong là “Tư mã” mới được mời ra cầm roi châu tất niên.

Đến ngày mùng một Tết, nhà hát có cấm cảnh đào do chính một cô em có con mắt tinh đời lên tận Nhật Tân mua về. Chủ nhà và các cô em ăn mặc lộng lẫy, ra tận cửa đón vị khách quý đến “xông nhà” lấy may. Khi đến xông nhà, khách mang theo vài anh em, chủ nhà và các em mời khách ngồi uống trà thiết quan âm. Họ chúc nhau những lời tốt đẹp. Cô em đặt lên trên bàn một chiếc sập sơn son thếp vàng có những ô nhỏ đựng các loại mứt ngũ vị. Khách đứng dậy đặt lên giữa chiếc tráp một phong bì hồng điều đựng số tiền hào phóng chừng cả tháng lương của một công chức loại trung bình. Khách còn phong bao cho các cô em mỗi người một số tiền có thể duy trì sinh hoạt trong tháng. Những người giúp việc, phu xe, bà bếp cũng được khách mở hàng. Khi khách đến xông nhà ra về là lúc nhà hát mở cửa đón các quan khách vào xuân. Khi đó tiếng pháo mới nổ.

NGHỆ THUẬT HÁT Ả ĐÀO

Chừng những năm 1940 - 1941, ở Khâm Thiên có nhiều nhà hát ả đào. Có hạng sang, thật sang, hạng giữa và bình dân... Lúc này, ở các nơi khác như Vạn Thái, Hai mươi bốn gian hoặc Ngã Tư Sở cũng có đủ mấy hạng như vậy, nhưng thưa thớt hơn nhiều mà cũng không có hạng thật sang dành cho các quan lớn từ tri phủ trở lên, các quan chức cao cấp vào làng Tây hoặc những tay giàu có thích chơi ngông. Loại sang thường dành cho những quan nhóm các ông tham, ông phán, một số văn nghệ sĩ có gia đình buôn bán hoặc được nhờ cậy vào cha mẹ, anh em... Loại sang ở Khâm Thiên phải kể đến nhà hát của bà đốc Sao và của danh ca Đàm Mộng Hoàn. (Nữ ca sĩ này được các hãng thu đĩa hát Pa thê, Asia, Columbia tranh nhau mời thu ở a hát nên rất nổi tiếng về ngâm thơ, ca trù... Những ở a hát của cô đã được phát hành khắp Việt Nam, tại Hồng Kông và tại Pháp). Loại bình dân gồm đủ mọi thành phần khách thông tục hơn, nhưng cũng đậm nét cuộc đời hơn... Các nhà hát thường theo yêu cầu của khách mà tổ chức những chầu hát và chầu rượu. Có khi chầu hát kéo theo chầu rượu hoặc ngược lại. Nhà hát thường có hai tầng. Tầng dưới dành cho hạng khách trung và bình dân. Tầng trên dành cho khách sang, được bố trí như ở những gia đình quan sang, quyền quý. Thường có một hai bức bình phong ngăn cách từng khoảng. Ở chính giữa là một giá lộ bộ sáng quắc. Sập gụ, tủ chè đều khảm những chữ: phú, quý, thọ, khang ninh; những hình tượng con dơi và đồng tiền. Một bàn thờ có chiếc đỉnh đồng lớn, một lọ độc bình cổ và một bát hương lúc nào cũng có khói bay lên làm mây gió để giữ cái màu dĩ vãng, toả mùi thơm ngào ngạt và làm nên một bầu không khí mơ màng sương phủ. Trên tường cũng treo một vài bức tranh cổ và một bút thơ pháp với những nét chữ bay bổng để gây cảm hứng mạnh với những ai có chút lưu luyến đến chữ nghĩa và nghệ thuật.

Hôm ấy, nhà hát nhận được phong thư báo sẽ có 4 vị khách quý đến mở châu rượu vui vào lúc 8 giờ tối... Khách đến trước giờ chừng 15 phút. Cậu Phán Ngôn ăn mặc sang trọng nhất. Cô Xuyên ra đỡ mũ, áo ngoài cho khách và vắt lên mắc áo. Các vị khách ngồi xuống mấy chiếc ghế gụ có mặt đá. Gian phòng vang lên:

Tom tom tom, chát . . Tung tung, tung... Tiếng phách chảy tung tăng như nước suối. Cô Huệ hát lên:

Ai cầu Phong, mà gió tự đâu sang!

Hay mãi khách văn chương... tìm kết bạn

Gió hơi gió, phong trần ta đã chán

Cánh chim bằng, chín vạn những chờ mong

Nên chẳng gió cũng chiều lòng...

Chỉ là vài câu thôi, nhưng ca nhi, thầy đàn và người đánh trống châu đều là những tay cự phách nên hay lắm. Nó ngân nga, trầm bổng, da diết. Nó mang theo chất thơ Đường, những đám mây lang thang xa xôi, ảo ảnh...

Cậu Ngôn làm duyên với ông Bàn một bao thuốc Craven A. Ông đã khước từ canh hát ở nhà đầu phố để đến đánh đàn cho người tri kỷ. Đào Huệ được biểu chiếc khăn san Bom bay. Mấy cô đào khác được mỗi người một tá khăn mặt mùi soa. Các cô còn có thể được nhận một chút tiền biểu. Nhưng nhận vào lúc không ai biết đến.

Mọi người vào cuộc rượu đầy hân hoan, phấn khởi. Ông tham Trác ngâm mấy câu thơ say của Vũ Hoàng Chương rồi nâng chén chúc mừng sự gặp mặt, chúc mừng nhà hát. Các chị em đã thuộc tính từng người. Cậu Ngôn và ông Phán toà sứ được mời hai ly rượu Tây. Còn hai vị khác dùng hai ly rượu Mai Quế Lộ... Các nàng hát ngồi bên cạnh các quan khách, rót rượu rất khéo rồi với hai bàn tay ngà, nhẹ nhàng đưa lên miệng khách: “Em dâng chàng... rượu trường sinh...” . Uống xong, họ thưởng thức một vài miếng ngon trong bát bóng như miếng bóng thủ, thịt, tôm, rầm và chút nước dùng. Và cứ thế, vừa uống tràn vừa ném nạp. Những món nhấm nháp này do các cô em lấy từ chiếc phạng sứ

Giang Tây ra rồi để vào bát con, đưa đến cho khách. Các cô gái mời, giục khách ăn kéo nguội. Họ phe phẩy cái quạt, quạt cho khách. Họ giới thiệu khéo cho khách để cho khách biết những món mình đang ăn được chế tạo bởi những bàn tay thân yêu. Những bàn tay ấy cũng nhắc nhở đến những bàn tay của người em gái, chị gái hoặc chính người mẹ thương yêu của khách.

- Nào ... tất cả ... ta cạn chén . Uống cho kỳ say...

Họ đứng lên, cụng ly rồi ngồi xuống cũng cụng ly. Họ bàn với nhau về những chuyện văn, thơ. Khen người này, chê người kia. Tâm đắc với những áng văn, thơ hay. Họ nói về Lý Thái Bạch, Tản Đà, Đỗ Phủ v.v.. Họ nói đến những năm 1937 - 1938 là những năm được gọi là Hà Nội vàng son. Họ bàn lây cả sang hiệu may Tây Chu Mậu ở Hàng Trống, hiệu may áo dài Cát Tường ở ngã năm Bà Triệu và không quên nhắc đến cô em vợ của họa sĩ Cát Tường là cô Nga - Cát Tường. Rượu vào thêm, họ lại bàn sang sắc đẹp của cô Sứ, cô Sứ là em gái nhà tiểu thuyết kiếm hiệp Lý Ngọc Hưng. Cô Sứ đã là hoa khôi Hà Thành và nổi danh trong những chợ phiên Ki mét (Kermesse)...

Ông Phán toà sứ đọc một đoạn thơ của Huyền Kiều viết về mấy vần thơ say của nhà thơ người Pháp là Paul Verlaine. Mọi người tán thưởng ông bằng cách mỗi người uống một ly rượu.

Trong 4 người khách tối nay, có một người tên là Quy Anh cao dong dong, lịch thiệp, đẹp trai, là con nhà giàu, mọi người thúc giục mãi mà anh chưa lấy vợ Anh đã đỗ tú tài phần một rồi bỏ học, làm công việc kinh doanh. Anh rất rộng rãi và thích làm bạn với một số các nhà văn, nghệ sĩ. Anh rất say mê hát ả đào. Hôm nay, anh rất ít nói. Người ngồi sát cạnh anh là đào Ngân. Cô cũng không nói gì mà chỉ trông nom, săn sóc cho anh. Hai người luôn nhìn vào mắt nhau. Thỉnh thoảng họ lại cười với anh đắm đuối: “Đắm say rồi, Người ơi” như người quan họ bảo vậy.

Đào Ngân hồn hậu và nghiêm trang, tươi tắn mà mơ màng. Nàng hát được rất nhiều loại: hát ru, hát hãm, hát ngâm ngợi. Qua bài “ 36 thứ giọng” cô hát cả Bồng Mạc, Xa Mạc v.v.. Lối nào cô cũng hát được rất

hay, bay bổng, hàng huê, đầy cảm hứng... Đêm hôm nay, nàng không phải hát.

Bà chủ ăn mặc sang trọng và cầu kỳ, ra với mọi người. Bà chấp tay, nói: “Chúng ta có châu rượu sau này mừng cho gặp nhau, mừng cho em Ngân về với cậu Quý. Mọi việc đã được dàn xếp tinh tươm. Để em Ngân đi ... tôi thực tình đứt cả ruột. Con người này được cả mọi mặt. Nhưng thôi. Phải gạt nước mắt mà chia tay. Có gặp mặt, có chia tay... Tôi nể cậu Quý. Cậu đối với tôi rất đẹp... Vả lại, cũng la duyên phận phù sinh...”. Cậu Quý đeo vào cổ đào Ngân một thiếc kiềng vàng rồi ngấm nghĩa. Lúc này những giọng hát cất lên, tiếng đàn phách, tiếng trống châu vang lên. Bầu không khí trở nên xôn xao. Giai nhân nản trí đặc Chót yêu hoa... i...i nên dan díu với tình...”

Mọi người lại uống rượu, mời nhau... Qua tiếng hát, qua những chén rượu, những lời trao đổi nhỏ nhẹ với nhau, vừa có chút vui vẻ tiễn đào Ngân đi theo chồng, vừa có vị ngậm ngùi kẻ ở người lại đi, vừa có sự suy nghĩ về những số phận. Biết đâu đào Ngân lại sẽ bước vào quãng đời “mưa gió” nào đó... Xưa nay, số phận mỏng manh của các ca nhi có mấy khi được vuông tròn?

Mấy vị quan khách say rượu, nằm cả ra sập và đi vắng cùng các cô đào ngồi cạnh chăm sóc. Cậu Quý dắt tay đào Ngân, gật đầu cúi chào mọi người ra khỏi cửa, đưa nàng về một góc phòng riêng ở một làng vùng Bưởi.

Lúc đầu, người ta vẫn nghi ngờ về mối tình của cậu Quý với đào Ngân. Ai lại, một trai tân đẹp nỡ, tài hoa như thế lại đi lấy vợ ả đào bao giờ. Nhưng khác hẳn với mọi lời dị nghị, xì xào, họ ăn ở với nhau thật đầm thắm và có với nhau 4 mặt con. Đến lúc mấy người con của họ đã thành gia thất rồi mà lúc nào họ cũng quán quít bên nhau. Đi đâu cũng đi hai người. Máy người trong làng trông thấy , họ liền nháy nhau:

“Họ Tây quá đấy...”

* *

*

Năm 1997, vào một buổi sáng mùa thu, do một sự giới thiệu nào đó, cô ca sĩ L.A đến nhờ tôi giải thích cho một số điều về hát quan họ và hát ca trù.;Cô L.A cũng trên 40 tuổi rồi nhưng vẫn còn sắc sảo lắm. Và cô giống hệt như đào Ngân ngày xưa mà tôi biết. Trong khi giải thích cho cô, tôi nhắc nhiều đến làng Y.T ở Bưởi, cô liền hỏi:

- Bác biết rõ làng Y.T thế?

- Vì đó là làng tôi mà.

- Thế thì cháu hân hạnh được là đồng hương với bác... Nhà cháu ở cuối làng. Nhưng đó là ngày xưa. Bây giờ, chừng một tháng cháu mới về làng một lần. Cháu có người anh chơi đàn dân tộc cho đoàn X, hai cháu gái là ca sĩ trong hai đoàn nghệ thuật. Cháu là em út, hát đủ loại nào ca trù, nào quan họ và cả nhạc mới.

- Cháu là...

Cháu là con của bố Quỳ và mẹ Ngân cháu. Bố mẹ cháu đã mất cả rồi...

- À tôi biết... Tôi biết... ông Quỳ... bà Ngân.

Trước đây, tôi không thể nào tả hết được cái đẹp trong những tiếng hát xuất thần của đào Ngân. Tôi cứ tiếc mãi sợ chúng mất đi. Nhưng không, chúng được

những người con lớp sau đón nhận. Chẳng hạn như L.A và rất nhiều người yêu mến chúng, làm tươi trẻ lại những tinh hoa tươi đẹp của chúng. Những tiếng hát hay truyền từ đời xưa, đã được gieo vào cuộc đời, vào những thế hệ thính giả, diễn viên nối tiếp để họ nhận lấy và tiếp nối mong mỏi giữ lại nét nghệ thuật

độc đáo và đặc sắc của văn hoá Việt Nam.

SỐNG CHẾT VỚI NGHỀ DIỄN

Ông Sỹ Tiến là một diễn viên kiêm thầy tuồng đã có nhiều vai diễn làm cho mọi người còn nhớ mãi. Với những vai như Quan Công, Chu Du, An Lộc Sơn thì cho đến bây giờ, chưa ai sánh được với ông. Là một nhà soạn vở, nghiên cứu sân khấu, ông đã soạn chừng hơn 40 vở cải lương cho diễn khắp trong nước và nước ngoài. Trong đó có chừng 10 vở rất nổi tiếng và có sức sống lâu dài. Ông dâng hiến cho sự nghiệp sân khấu từ năm lên 9 tuổi cho đến khi nhắm mắt. Ông đã đi diễn ở nhiều nơi, khắp Trung, Nam, Bắc. Trong làng cải lương, ông đã có một vị trí không gì thay thế được trong lòng khán giả và đồng nghiệp. Người ta gọi ông là con chim đầu đàn hoặc hoàng tử của cải lương.

Đạo đó, ông nằm trên giường bệnh đã gần một năm trời. Ông đã yếu rồi. Đi đâu cũng phải có người dìu, ăn phải có người bón. Trí nhớ giảm sút nhiều. Chị Kim Chung vừa mới đi diễn ở Pháp về, đến chào ông và chuyển lời cảm ơn của anh em kiều bào bên Pháp tới ông. Họ đã diễn hai vở cải lương do ông viết là Mạc Tuyết Lan và Huyền Trân công chúa. Người xem chen nhau đến quá đông. Cả hai vở đều được hoan nghênh nhiệt hết ... ông đứng dậy, cố huy động tất cả mọi khả năng còn lại, cất tiếng hát. Ông hát liền mấy đoạn hay nhất trong vở Mạc Tuyết Lan làm cho mọi người hết sức ngạc nhiên và bất ngờ. Vì sao ông có thể nhớ và hát hay đến như thế Trên gò má con người phiêu bạt ấy giàn giụa nước mắt. Trong ông run rẩy một tình yêu đắm thắm và nỗi khao khát không nguôi. Mọi người trong gia đình khuyên ông nghỉ ngơi cho đỡ mệt. Ông còn đọc thêm một vài lời đối thoại giữa Phan Tấn Chánh và “Trần Diệu Thường (vợ Phan Trần) rồi mới chịu ngồi xuống. Ngày hôm sau, ông phải đi bệnh viện. Ông bị hôn mê liền trong mấy ngày rồi qua đời ngày 17 - 1 - 1982. Còn phải nói thêm: Đời ông đã no đủ mùi đời rách.

Nghệ nhân Tư Liên là ông trùm một gánh chèo của chiếu chèo Hưng Yên. ông đã tung hoành nhiều năm khắp mọi chiếu chèo quanh vùng châu thổ sông Hồng. Bất cứ một gánh chèo nào cũng nể ai ông đến tham gia, giúp đỡ. Những người trong làng chèo không ai là không biết ông. Đến lúc tuổi đã cao, ông vẫn diễn và còn truyền nghề cho các lớp trẻ không biết mệt mỏi. Đến khi không thể diễn được nữa, ông cũng không chịu vắng mặt trong các đêm diễn. Những lúc này, ông ngồi sau cánh gà để được đắm mình vào cái không khí tung bừng của sân khấu, để nghe hát, xem diễn. Những cái đó là thức ăn của ông. Khi vở chèo kết thúc, ông mới lững thững, chống gậy về nhà. Một lần, sau một đêm diễn hay, mọi người ra về được một lúc khá lâu. Sân khấu chẳng còn một ai, gia đình không thấy ông trở về Mọi người nhón nhác đi tìm thì thấy ông nằm trên sàn, sau cánh gà. Ông từ già cõi đời nhẹ nhàng như ngủ trong âm vang và màu sắc của đêm chèo.

Hoàng Anh là nghệ sĩ cải lương, chủ soái của đoàn cải lương Phương Đông (Hải Phòng). Ông đã mang lại vinh quang cho đoàn từ những năm 1956 - 1983.

Nhân dân Hải Phòng và các vùng lân cận đều mến mộ ông, thích nghe chuyện về người diễn viên rất có duyên này. Có những người chỉ cần vào rạp nghe ông đọc một vài câu vọng cổ là mãn nguyện rồi. Hoàng Anh đã đóng góp nhiều vai có tâm trạng khác nhau mà đều thành công cả, đều để lại dấu ấn trong người xem với tình cảm hàm súc, sinh động, trữ tình. Ông đã rất thành công trong nhân vật cụ Hồng (Lò lửa diệt Tần), Đề Thám (Hoàng Hoa Thám), ông già họ Trần (Hội sóng Bạch Đằng), ông Nhân (Tiền và Nghĩa)... Danh sách này còn kéo dài. Ông là một trong những nghệ sĩ hoàn hảo về ca cũng như về diễn xuất. Người ta gọi ông là Huỳnh Thái của Hải Phòng. Ông mất vào tháng 3 năm 1983. Nằm trong linh cữu, ông được hoá trang, mang trang phục nguyên như trong vai ông Nhân trong vở “Tiền và Nghĩa” là nhân vật ông thường đóng và được hoan nghênh nhiều với hàng trăm xuất diễn liên tục. Tang lễ của ông được tổ chức ngay trong rạp. Người đến đông, kín chật. Phía ngoài còn có chừng 800 – 900 người. Quần chúng, khán giả từ các nơi đổ về tiễn ông đều rưng rưng nước mắt, mang đến viếng ông là cả

một rừng hoa. Các vị chức sắc của thành phố cũng đến tiễn ông. Một số lãnh đạo cao cấp ghé vai khiêng linh cữu của ông ra xe tang. Nhưng, một số quần chúng nhiệt tình ào đến, xô vào, yêu cầu để họ cũng được tham gia vào việc khiêng linh cữu của người diễn viên mà họ yêu mến. Linh cữu được đi thêm một đoạn đường gần 200 mét nữa rồi mới ra xe tang. Dòng người tiễn đưa ông dài hết phố Phan Bội Châu.

Nghệ nhân Mầm là trùm gánh hát chèo Nguyên Xá (Thái Bình). Ông là diễn viên chèo nổi tiếng khắp các tỉnh, kể cả Hà Nội. ông diễn chèo và chơi ác loại nhạc cụ từ khi còn rất nhỏ tuổi. Đến khi có tuổi, ông vẫn cố gắng có mặt trong cái đêm diễn. Ông sống trong không khí chèo cứ như cá trong nước.

Một hôm, ông thấy trong người khác lắm. Ông trịnh trọng lấy hòm quần áo ra, đặt giữa nhà. Ông mặc quần trắng, áo đỏ, thắt lưng xanh, soi gương, vẽ râu rồi chít khăn lên đầu... ông nói lớn: “Này bà, đánh trống đề tôi ra vai ông Mãng”... Bà vợ ngạc nhiên đến hốt hoảng. Ông lại bảo: “Thì tôi bảo cứ gióng trống lên mà”...

Thế là : tơ... rung... tung... tung... tung tung... tung a ... ông Mầm chống gậy ra , ngâm :

Nhà nhiều khách đến thường đem lại.:

Lộc trời luôn vật đến tay ta...

Mấy côi kiêu già ...

Ông ngừng một lát rồi hát “! Lão say”:

Mấy côi... i... kiêu già

Cuốn sơn làm mấy côi i a ... kiêu già

Điền tiên, sơn dã ...t a là chủ nhân...

Kỹ thuật hát của ông thật trọn vẹn: ngừng ngắt, lên, xuống, ngâm... đều tuyệt cả. Trạng thái say rượu trong cuộc sống không phải là đẹp dễ gì. Nhưng nghệ nhân Mầm biểu diễn đã mỹ hoá. Nghệ thuật vừa sâu sắc vừa mở ra cho lòng người một trạng thái say sưa, vẫy gọi mỹ

cảm trong khán giả. Vai lão say đã trình bày được cái tình kèm theo một chút thô, cái đẹp kèm theo một chút không đẹp lắm của cuộc đời...

Đã thấm mệt, ông lại nói đến:

Và cha đây có mình con là gái

Mà mẹ cha thì môi tuổi môi già

Mong cho con có nụ, có hoa...

Nhưng đến đây, ông bỗng thở gấp, khụy xuống, nằm ra chiếu. Ông ra đi mãi mãi. Cả gánh chèo hát lên mấy làn điệu chèo âm nhạc nổi lên sôi nổi và rầu rĩ rồi mới chuẩn bị việc tang ma theo di chúc của ông.